CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 16/GM - HĐQT	*Đà Nẵng, ngày 27 tháng 05 năm 2022*

THƯ MỜI HỌP
ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty Cổ phần EVN Quốc tế

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần EVN Quốc tế (EVNI) trân trọng kính mời Quý cổ đông tới tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 (ĐHĐCĐ) của Công ty với nội dung như sau:

1. **Thời gian:** 08h00 ngày 30/06/2022 (thứ 5).
2. **Địa điểm:** Hội trường tầng 4 trụ sở Công ty cổ phần EVN Quốc tế - Lô 91 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng.
3. **Điều kiện dự họp:** Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phiếu của Công ty (hoặc người được cổ đông ủy quyền hợp pháp) theo danh sách cổ đông chốt tại ngày 10/06/2022 được lập bởi Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.
4. **Thủ tục tham dự đại hội:**

- Khi tham dự, Quý cổ đông vui lòng mang theo Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu, Giấy giới thiệu (nếu là người đại diện của tổ chức), giấy ủy quyền bản chính (có đóng dấu của Công ty) để làm thủ tục đăng ký Đại hội.
- Nếu không thể tham dự Đại hội, Quý cổ đông có thể ủy quyền cho người khác tham dự hoặc ủy quyền cho một trong các thành viên Hội đồng quản trị theo mẫu "Giấy ủy quyền" của Công ty.

5. **Các tài liệu ĐHĐCĐ:**

- Các tài liệu ĐHĐCĐ bao gồm: Chương trình ĐHĐCĐ; Mẫu Giấy ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ; các Báo cáo; Tờ trình xin ý kiến ĐHĐCĐ; Phiếu biểu quyết; Dự thảo Biên bản, Nghị quyết và các tài liệu liên quan đến ĐHĐCĐ, được đăng tải trên Website của Công ty tại địa chỉ **www.evni.vn**, Mục: **Quan hệ cổ đông\Tài liệu ĐHĐCĐ 2022.**
- Vì số lượng tài liệu nhiều và nhằm tiết kiệm chi phí cho Công ty, kính đề nghị Quý cổ đông truy cập địa chỉ trên để tải, đọc các tài liệu.

6. **Đăng ký tham dự ĐHĐCĐ:**

Để thuận tiện cho công tác tổ chức, đề nghị Quý cổ đông vui lòng xác nhận việc tham dự Đại hội trước ngày **20/06/2022** (gặp Bà Nguyễn Thị Mai Hương - Số ĐT: 0236. 625 56 56).

Xác nhận trực tiếp tại Công ty hoặc qua điện thoại/Gửi fax Đăng ký dự họp, Giấy Ủy quyền.

Rất mong sự hiện diện của Quý cổ đông để Đại hội thành công tốt đẹp.

Mọi chi phí đi lại và ăn ở sẽ do Quý cổ đông tự chi trả.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Cổ đông EVNI;
- Các thành viên HĐQT; BKS;
- Lưu TH, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Trương Quang Minh

EVNINTERNATIONAL

CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ
Địa chỉ: Lô 91 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Khuê Trung, Q. Cẩm Lệ - Thành phố Đà Nẵng.
Điện thoại: (0236) 625 56 56 - Fax: (0236) 3 633 991 - Email: admin@evni.vn - http://evni.vn

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

Thời gian: Bắt đầu từ 08h00 ngày 30 tháng 6 năm 2022

Địa điểm: Hội trường Trụ sở Công ty cổ phần EVN Quốc tế - Lô 91 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Khuê Trung, Q. Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng

Thời gian	Nội dung
08h00 - 08h30	- Đón tiếp đại biểu và cổ đông - Kiểm tra tư cách cổ đông và lập danh sách cổ đông tham dự Đại hội.
08h30 - 08h45	Tiến hành Đại hội - Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông - Thông qua quy chế tổ chức Đại hội - Giới thiệu và thông qua danh sách Đoàn Chủ tịch, Thư ký Đại hội, Ban kiểm phiếu.
08h45 - 09h00	Giới thiệu và biểu quyết thông qua chương trình Đại hội
09h00 - 10h30	Cổ đông nghe báo cáo, thảo luận và biểu quyết các nội dung sau: 1. Báo cáo của HĐQT về tình hình quản trị, kết quả hoạt động năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022; 2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về kết quả hoạt động SXKD năm 2021, kế hoạch năm 2022; 3. Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021; 4. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của HĐQT, TGĐ & Kết quả hoạt động của BKS và Kiểm soát viên năm 2021; 5. Trình lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2022; 6. Trình quyết toán thù lao HĐQT, Ban kiểm soát năm 2021 và kế hoạch thù lao HĐQT, Ban kiểm soát năm 2022; 7. Trình phương án phân phối lợi nhuận năm 2021; 8. Trình Kế hoạch năm 2022.
10h30 - 10h45	Giải lao
10h45 - 11h30	Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông
	Bế mạc Đại hội

Đà Nẵng, tháng 6 năm 2022

EVNINTERNATIONAL

CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ
Địa chỉ: Lô 91 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Khuê Trung, Q. Cẩm Lệ - Thành phố Đà Nẵng.
Điện thoại: (0236) 625 56 56 - Fax: (0236) 3 633 991 - Email: admin@evni.vn - http://evni.vn

ĐĂNG KÝ DỰ HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

Kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty cổ phần EVN Quốc tế.

Tên cá nhân, tổ chức: .....

Số ĐKKD/CMND/CCCD:.....do:.....cấp ngày: .....

Địa chỉ:.....

Điện thoại : .....

Là cổ đông sở hữu: ..... cổ phiếu.

Đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần EVN Quốc tế, với tư cách:

1. ☐ **Cổ đông Công ty Cổ phần EVN Quốc tế**
   Số cổ phần sở hữu: ..... cổ phần
   (Bằng chữ:.....cổ phần)
2. ☐ **Được cổ đông cá nhân sau đây ủy quyền dự họp:**
   Họ tên cổ đông: .....
   CMND(Hộ chiếu): .....
   Số cổ phần sở hữu: ..... cổ phần
   (Bằng chữ:.....cổ phần)
3. ☐ **Được cổ đông là tổ chức sau đây ủy quyền dự họp:**
   Tên tổ chức: .....
   Số cổ phần sở hữu: ..... cổ phần
   (Bằng chữ:.....cổ phần)

....., ngày ..... tháng ..... năm 2022

NGƯỜI ĐĂNG KÝ
(Ký, ghi rõ họ tên)

***Ghi chú**:*
- Nội dung về số cổ phần sở hữu: không bắt buộc điền thông tin.
- Gửi fax Đăng ký dự họp qua số Fax (0236) 3.633.991 hoặc Email: admin@evni.vn chậm nhất đến 17h ngày 20/6/2022.

CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ
Địa chỉ: Lô 91 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Khuê Trung, Q. Cẩm Lệ - Thành phố Đà Nẵng.
Điện thoại: (0236) 625 56 56 - Fax: (0236) 3 633 991 - Email: admin@evni.vn - http://evni.vn

GIẤY ỦY QUYỀN
THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

Kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty cổ phần EVN Quốc tế.

Tên cá nhân, tổ chức: .....

(Sau đây gọi là ***Người ủy quyền***)

Số Chứng nhận ĐKDN/CMND/CCCD: ..... do: ..... cấp ngày: .....

Địa chỉ:.....

Điện thoại : .....

Là cổ đông sở hữu: ..... cổ phiếu.

Nay ủy quyền cho:

Ông/Bà : ..... (Sau đây gọi là ***Người được ủy quyền***)

CMND số : ..... cấp ngày : ..... tại : .....

Địa chỉ thường trú : .....

Điện thoại : .....

Trường hợp quý Cổ đông không tìm được người để ủy quyền, có thể ủy quyền cho 01 (một) thành viên của Hội đồng Quản trị Công ty trong danh sách dưới đây (đánh dấu X vào ô của người được chọn để ủy quyền):

1. *Ông Trương Quang Minh : Chủ tịch Hội đồng Quản trị* ☐
2. *Ông Lê Vũ Ninh : UV Hội đồng Quản trị - Tổng Giám đốc* ☐
3. *Ông Nguyễn Quang Huy : UV Hội đồng Quản trị* ☐
4. *Ông Lê Duy Thanh : UV Hội đồng Quản trị* ☐
5. *Bà Nguyễn Thị Hương : UV Hội đồng Quản trị* ☐

Thay mặt cá nhân/tổ chức (nêu trên) tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Công ty cổ phần EVN Quốc tế để biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông với số phiếu biểu quyết tương ứng với số cổ phần đại diện. Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự ủy quyền này và cam kết không có bất kỳ sự khiếu nại nào về sau./.

....., ngày ..... tháng ..... năm 2022

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN	**NGƯỜI ỦY QUYỀN**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu trong trường hợp là tổ chức)*

***Ghi chú**: Giấy ủy quyền có thể gửi trước qua số Fax (0236) 3.633.991 hoặc Email: admin@evni.vn để Ban tổ chức Đại hội tập hợp phục vụ công tác chuẩn bị được tốt nhất.*

CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 20/BC - HĐQT	*Đà Nẵng, ngày 30 tháng 05 năm 2022*

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

V/v quản trị, kết quả hoạt động năm 2021
và kế hoạch hoạt động năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần EVN Quốc tế.

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty (Điều lệ) và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty (Quy chế), Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2021.Thay mặt Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty, tôi xin báo cáo kết quả hoạt động, công tác quản trị của HĐQT trong năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022 với các nội dung như sau:

I. Tình hình hoạt động năm 2021:

1. Cơ cấu cổ đông của Công ty

*Tổng số cổ đông tại thời điểm chốt danh sách gần nhất (ngày 17/01/*2022*): 1.764, gồm 19 cổ đông pháp nhân và 1.745 cổ đông thể nhân.*

Về cơ cấu cổ đông lớn nắm giữ trên 5% số lượng cổ phần và cổ đông nội bộ:

+ Tổng Công ty Phát điện 1 (EVNGENCO1):	Tỷ lệ 26,05%
+ Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (PPC):	Tỷ lệ 19,30%
+ Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (VRG):	Tỷ lệ 11,78%
+ Ngân hàng thương mại cổ phần An Bình (ABBank):	Tỷ lệ 10,31%
+ Tổng công ty Điện lực dầu khí Việt Nam	Tỷ lệ 7,85%
+ VINACONEX:	Tỷ lệ 6,54%
+ Cổ đông nội bộ là thành viên HĐQT:	Tỷ lệ 0,327%

2. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021:

Năm 2021, Công ty thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh (SXKD) trong bối cảnh tiếp tục chịu tác động bởi đại dịch Covid-19, làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, Công ty đã thực hiện hoàn thành vượt kế hoạch SXKD do Đại hội đồng cổ đông giao, lợi nhuận thực hiện đạt 186% kế hoạch điều chỉnh theo Nghị quyết số 39/NQ-HĐQT ngày 15/11/2021 của HĐQT EVNI và đạt 325% kế hoạch theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/06/2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021. Đặc biệt là các nhiệm vụ: Theo dõi, quản lý nhằm bảo toàn phần vốn góp tại Dự án thủy điện Hạ

Sê San 2; Triển khai tìm kiếm các công việc mới phù hợp với năng lực để tăng nguồn thu, giải quyết công ăn việc làm cho CBCNV; Tiếp tục hoàn thiện mô hình tổ chức đảm bảo các hoạt động SXKD của Công ty.

Về mục tiêu tìm kiếm đối tác để chuyển giao dự án hoặc góp vốn đầu tư tương tự như dự án Hạ Sê San 2 đối với các dự án Sê Kong, Nậm Mô 1 và Hạ Sê San 1/5 vẫn chưa có kết quả, do nguyên nhân khách quan như: (i) Dự án đã hết hiệu lực MOU; (ii) Đặc điểm vị trí địa lý của dự án, tình hình chính trị, sự tác động của dự án đến môi trường và đầu ra giá bán điện của dự án nên chưa đủ thuyết phục các đối tác để hợp tác đầu tư hoặc chuyển giao dự án trong thời điểm hiện tại.

Hoạt động dịch vụ tư vấn luôn được quan tâm, đầu tư để góp phần tăng doanh thu Công ty, tăng thu nhập cho CBCNV và lợi ích cho Cổ đông. Trong năm 2021, EVNI thực hiện 40 hợp đồng TVGS với tổng giá trị 48,75 tỷ đồng. Trong đó đến 31/12/2021 đã đóng điện, hoàn thành nghiệm thu thanh toán hơn 20 dự án với giá trị 17,56 tỷ đồng đạt 101% kế hoạch năm 2021. Lợi nhuận năm 2021 đạt được là 4,57 tỷ đồng. Tăng cường công tác đấu thầu tìm kiếm việc làm, mở rộng thị trường. Kết quả trúng thầu 12 gói thầu với giá trị 11,57 tỷ đồng, đảm bảo công việc cho năm 2021 và chuyển tiếp công việc cho năm 2022.

Kết thúc năm 2021, Công ty đã đạt được mức tăng trưởng mạnh về quy mô, doanh thu, lợi nhuận là nhờ sự năng động của Ban lãnh đạo Công ty, nắm bắt kịp thời các cơ hội thực hiện dịch vụ TVGS các dự án năng lượng tái tạo đang phát triển trong thời gian qua và nhờ sự đoàn kết, nỗ lực cố gắng của tập thể HĐQT, Ban điều hành và CBCNV Công ty.

3. Hoạt động của HĐQT năm 2021:

3.1. Cơ cấu nhân sự của HĐQT:

Hội đồng quản trị Công ty gồm 05 thành viên, Chủ tịch HĐQT làm việc chuyên trách, 01 thành viên là Tổng Giám đốc, 03 thành viên còn lại đều làm việc theo chế độ không chuyên trách. Trong năm HĐQT đã tổ chức họp định kỳ 01 quý/1 lần theo quy định để giải quyết các công việc thuộc thẩm quyền và các cuộc họp đột xuất khác để giải quyết những công việc cấp bách, HĐQT mời Ban Kiểm soát Công ty tham dự tất cả các cuộc họp. Vì vậy công tác chỉ đạo, quản lý điều hành được thực hiện nhanh chóng, đáp ứng yêu cầu hoạt động của Công ty.

Thông tin các thành viên HĐQT

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Tỷ lệ nắm giữ CP		Ghi chú
				Đại diện	Sở hữu	
1	Trương Quang Minh	Chủ tịch HĐQT	15/06/2018	15,63%	0,3%	EVNGENCO1
2	Lê Vũ Ninh	Thành viên HĐQT. Tổng Giám đốc	15/06/2018	10,42%	-	EVNGENCO1

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Tỷ lệ nắm giữ CP		Ghi chú
				Đại diện	Sở hữu	
3	Nguyễn Quang Huy	Thành viên HĐQT	15/06/2018	19,30%	0,027%	PPC
4	Nguyễn Thị Hương	Thành viên HĐQT	15/06/2018	10,31%	-	ABBank
5	Lê Duy Thanh	Thành viên HĐQT	15/06/2018	11,78%	-	VRG

3.2. Hoạt động của các thành viên HĐQT:

Trong năm 2021, các thành viên HĐQT đã tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT, thực hiện nhiệm vụ của mình trong năm 2021 theo đúng chức năng, nhiệm vụ công việc được phân công với tinh thần trách nhiệm cao, nỗ lực hoàn thành tốt nhiệm vụ chỉ đạo, giám sát mọi mặt hoạt động của Công ty theo đúng nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2021, phù hợp với định hướng chiến lược, vì lợi ích của cổ đông và sự phát triển chung của Công ty. Các cuộc họp, nghị quyết, quyết định của HĐQT đều được thống nhất, chấp thuận của các thành viên HĐQT. Vì vậy, công tác chỉ đạo, điều hành được thực hiện kịp thời, đáp ứng yêu cầu hoạt động của Công ty.

a. ***Ông Trương Quang Minh – Chủ tịch HĐQT:***

- Chịu trách nhiệm chung trong điều hành hoạt động của HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty;
- Xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT;
- Lĩnh vực chiến lược, quy hoạch, công tác tổ chức nhân sự, việc xây dựng các Quy chế quản lý nội bộ;
- Thành viên HĐQT Công ty TNHH thủy điện Hạ Sê san 2: Giám sát và quản lý phần vốn góp tại dự án Thủy điện Hạ Sê San 2;
- Thực hiện công tác khác không phân công cho các thành viện HĐQT.

b. ***Ông Lê Vũ Ninh – Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc:***

- Điều hành hoạt động SXKD của Công ty theo chức trách nhiệm vụ Tổng Giám đốc.
- Chỉ đạo, tổ chức thực hiện về chế độ, chính sách đối với người lao động về tiền lương, đóng bảo hiểm,…;
- Chỉ đạo, đề xuất kiện toàn bộ máy nhân sự; quy chế quản lý nội bộ phù hợp với tình hình SXKD của Công ty.
- Thực hiện công việc khác theo phân công của Chủ tịch HĐQT.

c. ***Bà Nguyễn Thị Hương – Thành viên HĐQT:***

- Quản lý vốn và đầu tư vốn;
- Phương án phân phối lợi nhuận,
- Lĩnh vực tài chính, kiểm toán nội bộ, giám sát;
- Quản trị rủi ro;

- Thực hiện công việc khác theo phân công của Chủ tịch HĐQT

d. ***Ông Nguyễn Quang Huy – Thành viên HĐQT***

- Công tác tài chính kế toán và hạch toán kế toán;
- Phụ trách công tác đấu thầu;
- Kiểm soát các Hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ/HĐQT phê duyệt;
- Giám sát hoạt động đầu tư xây dựng;
- Thực hiện công việc khác theo phân công của Chủ tịch HĐQT.

a. ***Ông Lê Duy Thanh – Thành viên HĐQT***

- Lĩnh vực chiến lược phát triển và kế hoạc kinh doanh trung, dài hạn.
- Công tác hợp tác quốc tế;
- Cơ hội đầu tư, việc làm.
- Thực hiện công việc khác theo phân công của Chủ tịch HĐQT

3.3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban điều hành:

HĐQT đã thực hiện giám sát hoạt động của Ban điều hành trong việc triển khai thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch của ĐHĐCĐ và HĐQT giao; giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT, các quy chế quản trị, quy chế tài chính và các quy chế khác của Công ty, từ đó có những biện pháp kịp thời chấn chỉnh, rút kinh nghiệm khi phát hiện sai sót. Cụ thể như sau:

a. Phương pháp giám sát:

- HĐQT phối hợp chặt chẽ với BKS nắm rõ tình hình hoạt động của Công ty thông qua các cuộc họp HĐQT và qua trao đổi bằng các phương tiện thông tin liên lạc phù hợp. Các quyết định, các hoạt động, điều hành của Ban điều hành đã được HĐQT thường xuyên chỉ đạo, trao đổi Ban điều hành để đưa ra các giải pháp, phương án thực hiện phù hợp nhằm hoàn thành các mục tiêu SXKD đã được ĐHĐCĐ thông qua.

- HĐQT và BKS đánh giá tính khả thi của các kế hoạch hành động và các khuyến nghị, qua đó kiến nghị các giải pháp mang tính thực tiễn và phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty.

- HĐQT ban hành các nghị quyết sau các buổi họp định kỳ và theo yêu cầu để thông qua kết quả hoạt động và những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT.

- HĐQT cung cấp các hướng dẫn chiến lược, tình hình kinh tế tổng quan để hỗ trợ rà soát các kế hoạch kinh doanh tiếp theo.

- HĐQT thường xuyên trao đổi với Ban Giám đốc nhằm giám sát việc triển khai kế hoạch và điều chỉnh khi cần thiết, giúp đạt được các mục tiêu chiến lược đề ra.

b. Kết quả giám sát:

- Thông qua cơ chế kiểm tra, giám sát và báo cáo định kỳ về kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình hoạt động hàng ngày của Công ty và các báo cáo đột

xuất khi có yêu cầu, HĐQT đánh giá Ban điều hành đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, cũng như Điều lệ, Quy chế của Công ty và nghị quyết của ĐHĐCĐ.

- Ban điều hành đã thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ điều hành SXKD, báo cáo kịp thời các nội dung và trình HĐQT Công ty xem xét, phê duyệt và tổ chức thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các nội dung Nghị quyết của HĐQT. Kết quả đã thực hiện hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh được giao.

- Ban điều hành đã tổ chức thực hiện đúng quy định về việc thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng, phúc lợi, phụ cấp và quyền lợi khác đối với người lao động, người quản lý Công ty.

- Ban điều hành đã thực hiện công bố thông tin đầy đủ, chính xác và kịp thời về tình hình hoạt động SXKD cho các cổ đông và cơ quan quản lý theo đúng quy định của pháp luật.

- Ban Điều hành đã duy trì giao ban hàng tháng để có những chỉ đạo sát, điều hành sát sao và kịp thời để có những giải pháp thực hiện hoàn thành các mục tiêu cụ thể, tổng thể trong từng tháng.

3.4. Đánh giá hoạt động của HĐQT Công ty:

a. Kết quả đạt được:

HĐQT đã thực hiện công tác quản lý Công ty theo quy định Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Quy chế hoạt động của HĐQT và quy định của Pháp luật nên mọi hoạt động của HĐQT Công ty đến Ban điều hành luôn được thực hiện thông suốt, kịp thời và hiệu quả. Các thành viên HĐQT luôn thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, đã thực hiện tốt vai trò chỉ đạo trong mọi mặt hoạt động Công ty, vì sự phát triển của Công ty và lợi ích cổ đông.

Công ty đã xây dựng và hoàn thiện các nội dung về sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ Công ty, Quy chế Tổ chức và hoạt động của HĐQT, BKS phù hợp với quy định của pháp luật và thực tế mô hình hoạt động của Công ty và đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 thông qua.

HĐQT đã tổ chức 04 phiên họp định kỳ, tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản các thành viên HĐQT; ban hành 11 Nghị quyết và 12 Quyết định để Tổng Giám đốc và các thành viên Ban điều hành triển khai thực hiện nhiệm vụ SXKD 2021.

Các cuộc họp HĐQT đã được triệu tập và thực hiện theo các trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ Công ty. Các phiên họp HĐQT đều mời Ban kiểm soát tham dự tất cả các cuộc họp. Thông báo mời họp, hồ sơ, tài liệu đã được gửi đầy đủ đến các Thành viên HĐQT, BKS dự họp để tham khảo, nghiên cứu theo quy định. Các nội dung cuộc họp được các Thành viên HĐQT trao đổi, thảo luận, bàn bạc công khai, dân chủ, thẳng thắn và đánh giá đầy đủ, cẩn trọng để đưa ra những định hướng, giải pháp tốt nhất cho Công ty.

Các quyết định của HĐQT tại các cuộc họp phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ Công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ và phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được thông qua. Biên bản các cuộc họp HĐQT đã được lập đầy đủ, có chữ ký của các Thành viên HĐQT tham gia dự họp, đảm bảo đúng hình thức theo quy định pháp luật.

Chi tiết về các cuộc họp, nghị quyết và quyết định của HĐQT được thống kê như Phụ lục 1 đính kèm.

b. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân:

Đối với các dự án thủy điện Sê Kông; Hạ Sê San 1/Sê San 5 (Campuchia) và thủy điện Nâm Mô 1 (Lào):

- Việc tìm kiếm đối tác để chuyển giao dự án hoặc góp vốn đầu tư tương tự như dự án Hạ Sê San 2 chưa có kết quả và gặp nhiều khó khăn do:

(i) Các dự án đã hết hiệu lực MoU; (ii) Đặc điểm vị trí địa lý của dự án khó thu hút nhà đầu tư trong nước; (iii) Tình hình chính trị, sự tác động của dự án đến môi trường; (iv) Đầu ra giá bán điện của dự án; (v) Ngoài ra, đối với dự án Thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5 còn một số khó khăn như: Chính phủ Việt Nam chưa đồng ý bổ sung dự án vào Quy hoạch bậc thang thủy điện sông Sê San; vấn đề môi trường, an ninh quốc phòng khu vực biên giới; vấn đề phân chia nguồn lợi tài nguyên nước; phát sinh nhiều thủ tục đầu tư do dự án cần có sự chấp thuận của Chính phủ hai nước Việt Nam và Campuchia; (vi) mặt khác hiện tại do chủ trương tại nước sở tại không đồng ý bán điện 50% về Việt Nam và dự án đã đưa ra khỏi Quy hoạch điện VII điều chỉnh (theo QĐ428/QĐ-TTg ngày 18/03/2016). Do đó việc tiếp tục thực hiện các dự án trên trong thời gian đến sẽ gặp nhiều khó khăn và không khả thi.

II. Kế hoạch hoạt động của Hội động quản trị năm 2022:

HĐQT duy trì chế độ họp định kỳ và bất thường để kịp thời chỉ đạo và giám sát các hoạt động của Ban điều hành Công ty, đảm bảo các hoạt động của Công ty tuân thủ pháp luật, Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ Công ty.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát chặt chẽ các mặt hoạt động của Công ty nhằm phát huy tối đa hiệu quả đồng vốn đầu tư của các cổ đông và đảm bảo an toàn tài chính, minh bạch hóa các hoạt động theo đúng quy định.

Chỉ đạo Ban điều hành tiếp tục rà soát để đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy chế quản lý nội bộ phù hợp với các quy định pháp luật có liên quan và tình hình hoạt động thực tiễn tại đơn vị.

Nghiên cứu tìm kiếm cơ hội đầu tư phù hợp với xu thế phát triển Công ty một cách ổn định và bền vững.

Nâng cao đời sống, phúc lợi và tạo điều kiện bảo vệ sức khỏe, an toàn lao động cho Người lao động chính là mục đích thiết thực để nâng cao năng suất lao động, tạo ra môi trường làm việc hấp dẫn, đảm bảo thu hút nguồn nhân lực.

HĐQT tiếp tục tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo, cùng Ban điều hành Công ty giải quyết linh hoạt, hiệu quả, phù hợp quy định; thực hiện các giải pháp trong hoạt động SXKD, tiết kiệm chống lãng phí để đảm bảo đạt/vượt chỉ tiêu lợi nhuận được ĐHĐCĐ giao trong năm 2022.

Trên đây là báo cáo của HĐQT về các hoạt động trong năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022, kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Các thành viên HĐQT; BKS;
- Ban điều hành;
- Lưu TH, HĐQT.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

M.S.D.N: 0102379203 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ
Q. CẨM LỆ - TP. ĐÀ NẴNG

Trương Quang Minh

PHỤ LỤC 1 – THỐNG KÊ CÁC CUỘC HỌP, NGHỊ QUYẾT VÀ QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

* Thống kê các cuộc họp của HĐQT:

TT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Trương Quang Minh	04	100%	
2	Ông Lê Vũ Ninh	04	100%	
3	Bà Nguyễn Thị Hương	04	100%	
4	Ông Lê Duy Thanh	04	100%	
5	Ông Nguyễn Quang Huy	04	100%	

* Thống kê các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT:

STT	Số Nghị quyết /Quyết định	Ngày	Nội dung
	NGHỊ QUYẾT HĐQT 2021		
1.	04/NQ-HĐQT	30/03/2021	Gia hạn thời gian tổ chức ĐHĐCĐ 2021
2.	05/NQ-HĐQT	23/04/2021	Chốt DS cổ đông tham dự ĐHĐCĐ 2021
3.	10/NQ-HĐQT	26/5/2021	Thống nhất tổ chức phiên họp ĐHĐCĐ 2021
4.	19/NQ-HĐQT	31/5/2021	Thông qua nội dung phiên họp thứ II HDQT năm 2021
5.	31/NQ-HĐQT	10/9/2021	Thông qua nội dung phiên họp thứ III HDQT năm 2021
6.	35/NQ-HĐQT	05/10/2021	Thông qua gói thầu thi công xây dựng công trình sữa chữa tòa nhà EVNI
7.	36/NQ-HĐQT	05/10/2021	Kiện toàn nhân sự chức vụ PTGĐ Công ty EVNI
8.	39/NQ-HĐQT	15/11/2021	Thông qua điều chỉnh kế hoạch năm 2021
9.	40/NQ-HĐQT	15/11/2021	Thông qua kết quả lựa chọn nhà thầu sữa chữa nhà điều hành EVNI
10.	43/NQ-HĐQT	30/11/2021	Bổ nhiệm PTGĐ Công ty
11.	48/NQ-HĐQT	21/12/2021	Thống nhất tạm ứng cổ tức năm 2021 là 10% bằng tiền mặt
	QUYẾT ĐỊNH HĐQT 2021		
1.	20/QĐ-HĐQT	15/6/2021	Thành lập Ban chỉ đạo CĐS và ứng dụng CNTT tại EVNI

STT	Số Nghị quyết /Quyết định	Ngày	Nội dung
2.	21/QĐ-HĐQT	24/6/2021	Ban hành Điều lệ tổ chức công ty
3.	22/QĐ-HĐQT	23/6/2021	Quy chế hoạt động của BKS
4.	23/QĐ-HĐQT	24/6/2021	Ban hành QC nội bộ quản trị Công ty
5.	24/QĐ-HĐQT	28/6/2021	Phê duyệt KH năm 2021
6.	25/QĐ-HĐQT	29/6/2021	Chi tiền thưởng HĐQT, BKS, Ban điều hành Công ty
7.	25/QĐ-HĐQT	29/6/2021	Ban hành QC hoạt động của HĐQT Công ty
8.	28/QĐ-HĐQT	20/7/2021	Chi thưởng ban điều hành 6 tháng đầu năm 2021
9.	32/QĐ-HĐQT	13/9/2021	Phê duyệt thiết kế và dự toán đầu tư xây dựng sữa chữa nhà EVNI
10.	32/QĐ-HĐQT	13/9/2021	Phê duyệt KH lựa chọn nhà thầu sữa chữa tòa nhà EVNI
11.	37/QĐ-HĐQT	08/10/2021	Phê duyệt HS mời thầu qua mang gói thầu sữa chữa tòa nhà EVNI
12.	45/QĐ-HĐQT	30/11/2021	Bổ nhiệm PTGĐ Công ty

CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 323/BC - EVNI	*Đà Nẵng, ngày 27 tháng 05 năm 2022*

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần EVN Quốc tế.

Công ty cổ phần EVN Quốc tế (EVNI) báo cáo về tình hình sản xuất kinh doanh năm 2021 và kế hoạch thực hiện SXKD năm 2022 như sau:

A. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021:

I. Tình hình thực hiện:

1. Công tác Quản lý dự án:

**** Dự án thủy điện Hạ Sê San 2:***

- Về sản xuất điện: Đến 31/12/2021, nhà máy phát điện hòa lưới 1.996 triệu kWh đạt 114% kế hoạch năm 2021, đạt vượt 5% sản lượng thiết kế (1.912 triệu kWh); sản lượng điện sản xuất lũy kế đạt 6,33 tỷ kWh.

- Phân phối lợi nhuận: HLSS2 đã thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2020 cho EVNI tổng cộng 8,3 triệu USD cổ tức (trước thuế) bao gồm: đợt 1: 4,5 triệu, và đợt 2: 3,8 triệu USD (đạt vượt 84% kế hoạch ĐHĐCĐ). Giá trị lũy kế cổ tức nhận được từ dự án là 213 tỷ (sau thuế) đạt 92% giá trị đầu tư vào dự án.

**** Dự án thủy điện Hạ Sê San 1/Se San 5; Sê Kông và Nậm Mô 1:***

- Tiếp tục tìm kiếm đối tác để chuyển giao dự án hoặc góp vốn đầu tư tương tự dự án Hạ Sê San 2:

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị Công ty từ năm 2013 đến nay, EVNI đã tích cực thực hiện tìm kiếm các đối tác thích hợp để chuyển giao dự án hoặc góp vốn đầu tư theo hình thức tương tự như Dự án thủy điện Hạ Sê San 2 đối với các dự án thủy điện Sê Kông và dự án thủy điện Nậm Mô 1. Tuy nhiên, đến nay các nhà đầu tư chưa thực sự quan tâm do: (i) Dự án đã hết hiệu lực MOU; (ii) Đặc điểm vị trí địa lý của dự án, tình hình chính trị, sự tác động của dự án đến môi trường và đầu ra giá bán điện của dự án chưa thuyết phục để hợp tác đầu tư hoặc chuyển giao dự án trong giai đoạn hiện nay.

- Thực hiện nghiệm thu quyết toán, kiểm toán chi phí đã thực hiện của các dự án;

- Rà soát hồ sơ pháp lý, báo cáo HĐQT tình hình thực hiện và đề xuất phương án xử lý đối với các dự án dở dang (thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5; Sê Kông và Nậm Mô 1) vàt thực hiện giải pháp xử lý ý kiến ngoại trừ của đơn vị kiểm toán nêu trong BCTC.

2. Công tác Tư vấn giám sát:

Trong năm 2021, EVNI thực hiện 40 hợp đồng TVGS với tổng giá trị 48,75 tỷ đồng. Trong đó đến 31/12/2021 đã đóng điện, hoàn thành nghiệm thu thanh toán hơn 20 dự án với giá trị 17,56 tỷ đồng đạt 101% kế hoạch năm 2021. Lợi nhuận năm 2021 đạt được là 4.572 triệu đồng. Với một số dự án tiêu biểu đã hoàn thành như:

- Dự án nguồn điện (Năng lượng tái tạo):

Dự án Nhà máy điện gió Ia Pết – Đăk Đoa 1&2 với tổng công suất 200MW, bao gồm TBA500kV, TBA220kV và đường dây đấu nối 220kV.

- Dự án truyền tải điện Quốc gia:

+ Một số công trình trọng điểm của EVN như: (i) Dự án Đường dây 500kV Dốc Sỏi – Pleiku 2; (ii) Dự án Trạm biến áp 500KV Dốc Sỏi; (iii) Dự án TBA 500kV Nghi Sơn;

+ Và các dự án truyền tải điện khác như: (i) Dự án Trang bị máy cắt cho các kháng 500kV; (ii) Dự án Trang bị camera an ninh tại các TBA 500kV Vĩnh Tân, Di Linh, Đắk Nông; (iii) Dự án Nâng công suất TBA 220kV Hòa Khánh; (iv) Dự án TBA 220kV Ninh Phước và đấu nối; (v) Dự Lắp MBA thứ 2 TBA 220kV Thanh Nghị (giai đoạn 1); (vi) Nâng công suất TBA 220kV Xuân Mai từ (125+250) lên 2x250MVA (tỉnh Hoà Bình); (vii) Dự án Lắp máy 2 TBA 220kV Sông Tranh 2; (viii) Dự án Nâng cấp hệ thống máy tính điều khiển các trạm biến áp 220kV:Bắc Ninh; Sơn La; Yên Bái; (ix) Dự án TBA 220kV Lao Bảo và ĐZ 220kV Đông Hà- Lao Bảo; (x) Dự án NCS TBA T1, T2 TBA 110kV Đồi Cốc; (xi) Dự án Lắp 01 ngăn lộ 110kV tại TBA 220kV Hà Đông để đấu nối với ĐZ 110kV TBA 220kV Sơn Tây…

Ngoài ra, hiện nay Công ty đang thực hiện một số công trình trọng điểm và cấp bách của EVN như:

- Dự án nâng công suất TBA 500kV Pleiku 2;

- Dự án đường dây 500kV Vân Phong – Vĩnh Tân (dự án giải tỏa công suất Nhà máy nhiệt điện BOT Vân Phong 1 (1.320 MW); Nhà máy thủy điện tích năng Bác Ái và các nguồn năng lượng tái tạo khu vực tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận vào hệ thống điện quốc gia).

* Công tác đấu thầu tìm kiếm việc làm:

Trong năm 2021, Công ty đã chủ động tăng cường công tác đấu thầu và mở rộng thị trường. Kết quả trúng thầu 12 gói thầu với giá trị 11,57 tỷ đồng, đảm bảo công việc cho năm 2021 và chuyển tiếp công việc cho năm 2022.

3. Công tác quản trị, văn phòng:

- Về mô hình tổ chức và chi phí hoạt động:

+ Bổ nhiệm 01 PTGĐ và 01 Phó Trưởng phòng;

+ Tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo mô hình gọn nhẹ, linh hoạt với 03 Phòng chức năng, biên chế nhân sự 33 người; thực hiện sắp

xếp, bố trí nhân sự phù hợp, đáp ứng yêu cầu quản lý của Công ty trên cơ sở nhiệm vụ công tác năm 2021 nhằm tối ưu hóa chi phí.

- Thực hiện rà soát, sửa đổi bổ sung Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động của HĐQT, BKS và các quy chế quản lý nội bộ khác, phù hợp quy định pháp luật và tình hình thực tế hoạt động của đơn vị;

- Hoàn thành công tác tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên EVNI năm 2021;

- Duy trì dịch vụ cho thuê đất và văn phòng tại Trụ sở làm việc của Công ty;

- Thực hiện công tác chuyển đổi số đối với các lĩnh vực: Quản trị nội bộ; Đào tạo và truyền thông; phù hợp các chỉ tiêu kế hoạch SXKD của Công ty;

- Triển khai công tác đấu thầu lựa chọn qua mạng gói thầu xây lắp dự án sửa chữa lớn Trụ sở Công ty và triển khai thực hiện hoàn thành công tác sửa chữa lớn Trụ sở Công ty;

- Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ, duy trì chứng nhận ISO 9001:2015.

4. Công tác lao động, tiền lương và đào tạo:

- Lao động:

Tổng số lượng CBNV Công ty đến 31/12/2021 là 33 người. Để thực hiện các gói thầu TVGS, trong năm Công ty đã tuyển dụng bổ sung 03 lao động nhằm đáp ứng yêu cầu công việc giám sát tại hiện trường các dự án. Các vị trí tuyển dụng đáp ứng nhu cầu công việc của Công ty.

- Tiền lương: thu nhập bình quân của người lao động trong năm 2021 đạt 17,4 triệu đồng/tháng.

- Đào tạo: Trong năm Công ty đã tổ chức các lớp đào tạo cho cán bộ tư vấn giám sát hiện trường để bổ sung và hoàn thiện năng lực cá nhân đáp ứng nhu cầu công việc.

5. Công tác khác:

- Về phòng chống dịch Covid-19:

+ Công ty thực hiện đầy đủ các biện pháp phòng chống dịch theo chỉ đạo của Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Y tế; chỉ đạo EVN/EVNGENCO1 và của chính quyền địa phương; linh hoạt áp dụng các hình thức làm việc tại nhà, làm việc online, làm việc luân phiên tùy theo từng giai đoạn, đảm bảo hoạt động SXKD của Công ty được liên tục, an toàn và hiệu quả;

+ 100% CBCNV đã tiêm Vacxin.

- Hoạt động đoàn thể: Do tình hình dịch bệnh COVID 19, trong năm qua, Công ty hạn chế tổ chức các hoạt động tập trung đông người.

Công ty đã tích cực tham gia công tác xã hội như: hiến máu nhân đạo, ủng hộ nhân dân các tỉnh bị ảnh hưởng trong các đợt mưa lũ; thăm hỏi người có công với cách mạng nhân ngày thương binh liệt sỹ; hỗ trợ trẻ em các tỉnh vùng cao…

6. Kết quả sản xuất kinh doanh của đơn vị:

Năm 2021, mặc dù gặp không ít khó khăn do tình hình diễn biến phức tạp

của dịch bệnh COVID-19, ảnh hưởng toàn diện và sâu sắc đến hoạt động của Công ty cổ phần EVN Quốc tế, cũng như đời sống của CBCNV, Công ty đã cố gắng khắc phục khó khăn, tìm biện pháp nhằm đảm bảo điều hành có hiệu quả hoạt động của đơn vị. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2021:

- Tổng doanh thu: 216,828 tỷ đồng đạt 172% kế hoạch
- Nộp ngân sách nhà nước: 1,771 tỷ đồng
- Lợi nhuận: 169,021 tỷ đồng đạt 186% kế hoạch
- Tỷ lệ cổ tức: 46% đạt 460% kế hoạch

ĐVT: đồng

TT	NỘI DUNG	Đơn vị/tỷ lệ	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch năm 2021	%TH/KH
A	**Nguồn thu**		**216.828.793.550**	**126.057.995.000**	**172,01%**
A.1	***Doanh thu hoạt động trực tiếp từ Công ty***		***25.969.838.599***	***22.917.995.000***	**113,32%**
I	Doanh thu từ hoạt động đầu tư, tài chính, cho thuê đất và văn phòng Công ty	đồng	8.322.876.800	5.455.329.000	152,56%
1	*Doanh thu từ hoạt động tài chính*	*đồng*	*7.385.523.741*	*4.485.329.000*	164,66%
2	*Doanh thu từ cho thuê đất và văn phòng của Công ty*	*đồng*	*937.353.059*	*970.000.000*	96,63%
II	Doanh thu từ hoạt động Tư vấn (QLDA, Giám sát…)	*đồng*	*17.646.961.799*	17.462.666.000	101,06%
A.2	***Doanh thu từ Dự án Thủy điện Hạ Sê San 2***	***đồng***	***190.858.954.951***	***103.140.000.000***	**185,05%**
	Cổ tức thu được từ dự án thủy điện Hạ Sê San 2		*190.858.954.951*	103.140.000.000	
B	**Chi phí hoạt động**		**46.337.236.784**	**34.823.674.000**	**133,05%**
B.1	***Chi phí hoạt động, duy trì và quản lý dự án các dự án của Công ty***	***đồng***	***6.606.281.727***	***7.461.301.000***	***88,5%***
1	*Chi phí hoạt động, duy trì và QLDA các dự án của Công ty*	*đồng*	*6.206.553.269*	7.045.001.000	
2	*Chi phí khấu hao nhà làm việc/văn phòng cho thuê*	*đồng*	*399.728.458*	416.300.000	

TT	NỘI DUNG	Đơn vị/tỷ lệ	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch năm 2021	%TH/KH
B.2	***Chi phí hoạt động cho công tác Tư vấn (QLDA, Giám sát…)***	***đồng***	***13.040.170.057***	***12.922.373.000***	***100,91%***
B.3	***Phí chuyển tiền cổ tức HSS2 về Việt Nam***	***đồng***	***26.690.785.000***	***14.440.000.000***	***184,84%***
C	**Đầu tư**		***1.621.765.153***	**2.069.200.000**	**78,3%**
C.1	***Chi sửa chữa lớn***	***đồng***	***1.407.815.153***	***1.819.200.000***	
-	Chi sửa chữa trụ sở làm việc EVNI	*đồng*	*1.407.815.153*	1.819.200.000	
C.2	***Đầu tư mua sắm***	***đồng***	***213.950.000***	***250.000.000***	
-	Hệ thống Truyền hình hội nghị	*đồng*	*213.950.000*	250.000.000	
D	**Lợi nhuận**				
1	Lợi nhuận trước thuế	đồng	170.491.556.766	91.234.321.000	186,8%
2	Lợi nhuận sau thuế	đồng	169.021.636.813	90.727.457.000	186,3%
3	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	đồng/CP	4.608	2.474	
4	Tỷ lệ chia cổ tức *(*)*	%	46	10	460%
5	Lợi nhuận phân phối cho cổ đông	*đồng*	*168.714.867.000*	*36.677.145.000*	

(*) Đã thực hiện thanh toán cổ tức đợt 1 năm 2021 (10%) ngày 27/1/2022.

II. Các khó khăn, tồn tại và hạn chế:

1. Công tác quản lý dự án:

- Đối với dự án thủy điện Hạ Sê San 2:

Tỷ lệ sở hữu vốn của EVNI tại Công ty TNHH thủy điện Hạ Sê San 2 (HLSS2) thấp (10%) nên Người đại diện khó chủ động trong việc kiểm soát các quyết định trong ĐHĐCĐ của HLSS2.

- Đối với các dự án thủy điện Sê Kông; Hạ Sê San 1/Sê San 5 (Campuchia) và thủy điện Nâm Mô 1 (Lào):

Việc kiếm đối tác để chuyển giao dự án hoặc góp vốn đầu tư tương tự như dự án Hạ Sê San 2 chưa có kết quả và gặp nhiều khó khăn do:

(i) Các dự án đã hết hiệu lực MoU; (ii) Đặc điểm vị trí địa lý của dự án khó thu hút nhà đầu tư trong nước; (iii) Tình hình chính trị, sự tác động của dự án đến môi trường; (iv) Đầu ra giá bán điện của dự án; (v) Ngoài ra, đối với dự án Thủy

điện Hạ Sê San 1/Sê San 5 còn một số khó khăn như: Chính phủ Việt Nam chưa đồng ý bổ sung dự án vào Quy hoạch bậc thang thủy điện sông Sê San; vấn đề môi trường, an ninh quốc phòng khu vực biên giới; vấn đề phân chia nguồn lợi tài nguyên nước; phát sinh nhiều thủ tục đầu tư do dự án cần có sự chấp thuận của Chính phủ hai nước Việt Nam và Campuchia; (vi) mặt khác hiện tại do chủ trương tại nước sở tại không đồng ý bán điện 50% về Việt Nam và dự án đã đưa ra khỏi Quy hoạch điện VII điều chỉnh (theo QĐ428/QĐ-TTg ngày 18/03/2016). Do đó việc tiếp tục thực hiện các dự án trên trong thời gian đến sẽ gặp nhiều khó khăn và không khả thi.

2. Công tác Tư vấn:

- Tỷ suất lợi nhuận của lĩnh vực Tư vấn dự báo ngày càng giảm do sự cạnh tranh của các đơn vị cùng lĩnh vực ngày càng lớn, ảnh hưởng từ việc đấu thầu cạnh tranh và một số chủ đầu tư/ban quản lý dự án trong ngành điện triển khai chủ trương tự thực hiện công tác giám sát;

- Doanh thu dịch vụ Tư vấn đối với lĩnh vực năng lượng tái tạo (điện gió và điện mặt trời) giảm mạnh do hiện nay chưa có cơ chế, chính sách phát triển nguồn nên các Chủ đầu tư chưa triển khai các dự án đầu tư mới;

- Công tác thu hồi công nợ trong hoạt động TVGS đối với các Chủ đầu tư là tư nhân còn chậm.

B. Nhiệm vụ và giải pháp thực hiện kế hoạch SXKD năm 2022:

Năm 2022, Công ty cổ phần EVN Quốc tế tiếp tục thực hiện nhiệm vụ trọng tâm như (i) Quản lý phần vốn đã góp vào dự án thủy điện Hạ Sê San 2; (ii) Thực hiện các giải pháp về chuyển giao hoặc tham gia góp vốn đầu tư đối với các dự án thủy điện đầu tư dở dang tại Campuchia và Lào; hoặc báo cáo đề xuất HĐQT/ĐHĐCĐ phương án dừng triển khai, xử lý tài chính; (iii) Xây dựng chiến lược, phương hướng phát triển công ty trình HĐQT để ĐHĐCĐ năm 2023 (sau khi hoàn thành thu hồi vốn góp tại HLSS2 và xử lý 3 dự án dở dang); (iv) Thực hiện công tác Tư vấn giám sát đảm bảo công ăn việc làm, tăng thu nhập, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho Người lao động, cụ thể:

1. Về quản lý dự án:

** Đối với dự án Thủy điện Hạ Sê San 2:*

- Tiếp tục thực hiện giám sát và quản lý phần vốn góp vào Công ty TNHH thủy điện Hạ Sê San 2 (HLSS2) trên cơ sở pháp luật Campuchia, Hợp đồng cổ đông và theo nguyên tắc bảo toàn phần vốn đã góp;

- Theo dõi tình hình SXKD của dự án, đôn đốc HLSS2 thực hiện các nội dung Nghị quyết của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông;

- Phối hợp với các Cổ đông khác, đôn đốc Công ty TNHH thủy điện Hạ Sê San 2 thực hiện phân chia lợi nhuận năm 2021 trong năm 2022.

** Đối với các dự án thủy điện như Hạ Sê San 1/Sê San 5; Sê Kông và Nậm* Mô 1:

Tiếp tục thực hiện các giải pháp để chuyển giao dự án hoặc tham gia góp vốn đầu tư tương tự dự án Hạ Sê San 2, cụ thể:

- Có ý kiến bằng văn bản đến Chính phủ Campuchia/Lào về việc trong trường hợp Chính phủ Campuchia/Lào chuyển giao dự án cho đối tác khác thì EVNI được thu hồi các chi phí đã thực hiện cho dự án hoặc tham gia góp vốn trong dự án tương tự như dự án thủy điện Hạ Sê San 2;

- Phối hợp chặt chẽ với Hiệp hội các Nhà đầu tư Việt Nam sang Campuchia (AVIC), Hiệp hội các Nhà đầu tư Việt Nam sang Lào (AVIL) để thông qua Hiệp hội, giới thiệu các dự án của EVNI cho các Nhà đầu tư trong và ngoài nước;

- Làm việc, kiến nghị với Bộ kế hoạch và đầu tư Việt Nam trong việc hỗ trợ các thủ tục duy trì hiệu lực pháp lý của các dự án, cũng như thông tin đến các Nhà đầu tư về các dự án của EVNI;

- Thường xuyên liên hệ với Nhà đầu tư trong và ngoài nước để giới thiệu các dự án của EVNI cho các Nhà đầu tư để chuyển giao dự án hoặc tham gia góp vốn đầu tư.

- Trình HĐQT/ĐHĐCĐ thông qua chủ trương dừng triển khai dự án sau khi có ý kiến chỉ đạo của cấp có thẩm quyền.

2. Về đầu tư phát triển:

- Nghiên cứu, tìm kiếm các dự án nguồn điện phù hợp để đề xuất chủ trương đầu tư sau khi Chính phủ phê duyệt Quy hoạch điện VIII;

- Xây dựng kế hoạch, chiến lược, phương hướng phát triển công ty trình HĐQT thông qua trình ĐHĐCĐ năm 2023.

3. Công tác Tư vấn giám sát:

- Chủ động tìm kiếm công việc đảm bảo duy trì hoạt động và tăng nguồn thu; tiếp tục mở rộng công tác TVGS đối với các dự án năng lượng tái tạo (phù hợp với cơ chế, chính sách phát triển nguồn năng lượng tái tạo của Chính phủ trong thời gian đến);

- Nghiệm thu thanh toán và quyết toán kịp thời các gói thầu hoàn thành, đáp ứng quy định của hợp đồng để tăng hiệu quả sử dụng vốn;

- Hoàn thiện chứng chỉ năng lực hoạt động cho tổ chức: Chứng chỉ giám sát công trình công nghiệp hạng I và chứng chỉ giám sát PCCC;

- Nâng cao năng lực, kinh nghiệm cho độ ngũ chuyên gia Tư vấn; tổ chức thực hiện dịch vụ Tư vấn chuyên nghiệp hóa, bảo đảm các dự án thực hiện đúng tiến độ, chất lượng, an toàn và hiệu quả;

- Thực hiện công tác Tư vấn giám sát đạt doanh thu 13,0 tỷ đồng.

3. Công tác khác:

- Xây dựng, hoàn thiện hệ thống quy chế quản lý nội bộ phù hợp với tình hình SXKD trong giai đoạn mới của Công ty;

- Hoàn thành công tác tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên EVNI năm 2022;

- Duy trì dịch vụ cho thuê đất và văn phòng tại Trụ sở làm việc của Công ty;

- Công tác an sinh xã hội: Quan tâm, tạo điều kiện thực hiện tốt công tác an

sinh xã hội;

- Thực hiện công tác chuyển đổi số đối với các lĩnh vực: Quản trị nội bộ; Đào tạo và truyền thông; phù hợp các chỉ tiêu kế hoạch SXKD của Công ty;

- Về mô hình tổ chức và chi phí hoạt động:

+ Tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo mô hình gọn nhẹ, linh hoạt và sắp xếp, bố trí nhân sự phù hợp đáp ứng yêu cầu quản lý của Công ty trên cơ sở nhiệm vụ công tác năm 2022 nhằm tối ưu hóa chi phí;

+ Chú trọng công tác tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

4. Các chỉ tiêu về sản xuất kinh doanh năm 2022:

- Doanh thu:	144.726 triệu đồng
+ Doanh thu từ hoạt động tài chính, cho thuê...:	*8.963 triệu đồng*
+ Doanh thu từ hoạt động TVGS:	*13.113 triệu đồng*
+ Doanh thu từ dự án TĐ Hạ Sê San 2:	*122.650 triệu đồng*
- Chi phí:	37.622 triệu đồng
- Lợi nhuận trước thuế	107.103 triệu đồng
- Cổ tức	20%

Trên đây là báo cáo của Tổng Giám đốc về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Các thành viên HĐQT; BKS;
- Ban điều hành;
- Lưu TH, HĐQT.

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ

Lê Vũ Ninh

CÔNG TY CỔ PHẦN
EVN QUỐC TẾ

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	6 - 7
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 32

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HĐQT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần EVN Quốc tế công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần EVN Quốc tế (sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Cổ phần EVN Campuchia được thành lập ngày 01/10/2007 theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103019858 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội. Công ty Cổ phần EVN Campuchia đăng ký điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần 1 vào ngày 21/5/2008, đổi tên thành Công ty Cổ phần EVN Quốc tế và chuyển trụ sở chính đến Thành phố Đà Nẵng ngày 01/10/2008. Ngày 25/9/2008, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203002232. Cho đến hiện nay, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh này đã được điều chỉnh 7 lần và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 03/07/2020 với mã số doanh nghiệp 0102379203. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty được chấp thuận giao dịch cổ phiếu phổ thông trên thị trường Upcom theo Quyết định số 119/QĐ-SGDHN ngày 20/02/2017 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán EIC. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 28/02/2017.

Vốn điều lệ: *366.771.450.000 đồng.*

Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2021: *366.771.450.000 đồng.*

Trụ sở chính

- Địa chỉ: Lô 91 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Khuê Trung, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng
- Điện thoại: (84) 0236.6255656
- Fax: (84) 0236.3633991
- Website: www.evni.vn

Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện: Sản xuất và truyền tải, kinh doanh mua bán điện trong và ngoài nước;
- Dạy nghề: Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực và quản lý, vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Phát triển và kinh doanh bất động sản, cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp trong và ngoài nước;
- Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác: Giám sát thi công xây dựng; Hoàn thiện công trình năng lượng (đường dây và trạm biến áp đến 500KV); Tư vấn hoạt động chuẩn bị sản xuất cho các nhà máy điện; Tư vấn quản lý dự án; Hoàn thiện công trình thủy điện;
- Quản lý dự án; Kinh doanh lâm nghiệp, khai thác mỏ tại Campuchia; Dịch vụ quản lý vận hành các nhà máy điện trong và ngoài nước; Sửa chữa, bảo dưỡng, đại tu, cải tạo, nâng cấp thiết bị, công trình của các nhà máy điện trong và ngoài nước; Thí nghiệm điện; Xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị điện; Xây dựng, vận hành các công trình điện; Khai thác lâm sản, khai thác mỏ; Xuất khẩu, nhập khẩu điện năng; Nhập khẩu nhiên liệu, nguyên liệu phục vụ sản xuất điện; Khai thác và sản xuất đá, cát, xi măng, gạch các loại, sắt thép.

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HĐQT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 33 người. Trong đó cán bộ quản lý là 7 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

• Ông Trương Quang Minh	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 15/06/2018
• Ông Nguyễn Quang Huy	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 15/06/2018
• Bà Nguyễn Thị Hương	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 15/06/2018
• Ông Lê Vũ Ninh	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 15/06/2018
• Ông Lê Duy Thanh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15/06/2018

Ban Kiểm soát

• Bà Đinh Hải Ninh	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 15/06/2018
• Bà Vũ Hương Trà	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 15/06/2018
• Bà Nguyễn Thị Huyền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15/06/2018

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

• Ông Lê Vũ Ninh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/11/2020
• Ông Lê Thanh Khoa	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/12/2021
• Bà Phạm Thị Thủy	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 16/11/2018

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78 – 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Chủ tịch HĐQT và Ban Tổng Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HĐQT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Trương Quang Minh

Đà Nẵng, ngày 22 tháng 03 năm 2022

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC
THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL
CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN KẾ TOÁN TÀI CHÍNH
Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 375/2022/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần EVN Quốc tế

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài lập ngày 22/03/2022 của Công ty Cổ phần EVN Quốc tế (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 6 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại điểm (2), (3) và (4) của Thuyết minh số 30, biên bản ghi nhớ về nghiên cứu khả thi (MoU) của dự án thủy điện Sekong, thủy điện Hạ Sê san1/ Sê San 5 tại Vương quốc Campuchia và dự án thủy điện Nậm Mô 1 tại nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào không tiếp tục được gia hạn/đã hết hiệu lực. Tổng giá trị đầu tư thực tế của các dự án trên tính đến thời điểm 31/12/2021 là 40.266.466.962 đồng hiện phản ánh tại khoản mục "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang" (Trong đó: Dự án thủy điện Sekong là 8.755.911.108 đồng; Dự án thủy điện Hạ Sê san 1/ Sê San 5 là 24.313.325.211 đồng; Dự án thủy điện Nậm Mô 1 là 7.197.230.643 đồng). Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng rủi ro tổn thất đối với các chi phí đầu tư của 03 dự án nêu trên là không chắc chắn; Công ty có khả năng tìm được đối tác thích hợp để hợp tác, chuyển giao các dự án và thu được lợi ích kinh tế trong tương lai, thu hồi các chi phí đã đầu tư, thu được hiệu quả kinh tế.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

Lâm Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc	**Nguyễn Văn Thiện – Kiểm toán viên**
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2018-010-1	*Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3108-2020-010-1*

Đà Nẵng, ngày 22 tháng 03 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**245.610.146.987**	**122.643.539.939**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**5**	**32.112.725.654**	**6.377.319.596**
1. Tiền	111		72.725.654	177.319.596
2. Các khoản tương đương tiền	112		32.040.000.000	6.200.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**196.160.000.000**	**96.700.000.000**
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	196.160.000.000	96.700.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**14.777.239.641**	**15.357.263.192**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	10.233.911.093	12.372.922.207
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		331.363.800	14.080.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	4.211.964.748	2.970.260.985
IV. Hàng tồn kho	**140**		**1.592.877.664**	**1.965.113.810**
1. Hàng tồn kho	141	9	1.592.877.664	1.965.113.810
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**967.304.028**	**2.243.843.341**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	422.522.918	184.488.913
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		136.123.710	1.650.697.028
3. Tài sản ngắn hạn khác	155		408.657.400	408.657.400
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**316.094.210.817**	**316.190.301.639**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		-	-
II. Tài sản cố định	**220**		**23.071.068.574**	**29.284.710.023**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	4.003.068.574	3.860.710.023
- Nguyên giá	*222*		*9.723.855.520*	*9.228.656.331*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(5.720.786.946)*	*(5.367.946.308)*
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	19.068.000.000	25.424.000.000
- Nguyên giá	*228*		*19.106.721.745*	*25.462.721.745*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		*(38.721.745)*	*(38.721.745)*
III. Bất động sản đầu tư	**230**	**13**	**21.574.299.455**	**15.546.436.464**
- Nguyên giá	*231*		*22.847.263.434*	*16.772.512.623*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*232*		*(1.272.963.979)*	*(1.226.076.159)*
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**40.302.054.598**	**40.211.466.962**
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	40.302.054.598	40.211.466.962
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**231.146.788.190**	**231.146.788.190**
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	15	231.146.788.190	231.146.788.190
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		-	**900.000**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	900.000
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**561.704.357.804**	**438.833.841.578**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Ngày 31 tháng 12 năm 2021

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**47.059.121.688**	**16.935.933.275**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**47.035.421.688**	**16.861.033.275**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	2.178.729.280	13.558.418.581
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	2.211.275.446	1.058.142.587
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	784.727.509	405.698.723
4. Phải trả người lao động	314		1.901.660.018	1.331.610.279
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	11.000.000	9.700.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	20.a	38.636.408.435	328.920.105
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.311.621.000	168.543.000
II. Nợ dài hạn	**330**		**23.700.000**	**74.900.000**
1. Phải trả dài hạn khác	337	20.b	23.700.000	74.900.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**514.645.236.116**	**421.897.908.303**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**21**	**514.645.236.116**	**421.897.908.303**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	21	366.771.450.000	366.771.450.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*366.771.450.000*	*366.771.450.000*
- Cổ phiếu ưu đãi	*411b*		-	-
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	21	147.873.786.116	55.126.458.303
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	*421a*		*15.529.294.303*	*1.098.451.466*
- LNST chưa phân phối kỳ này	*421b*		*132.344.491.813*	*54.028.006.837*
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**561.704.357.804**	**438.833.841.578**

Chủ tịch Hội đồng quản trị	Kế toán trưởng	Người lập
Trương Quang Minh	Phạm Thị Thủy	Trần Vũ Quốc Tài

Đà Nẵng, ngày 22 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	22	18.584.313.157	14.588.408.457
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		18.584.313.157	14.588.408.457
4. Giá vốn hàng bán	11	23	13.382.088.782	9.509.330.272
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	**20**		**5.202.224.375**	**5.079.078.185**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	198.244.478.692	62.897.689.093
7. Chi phí tài chính	22	25	26.595.821.576	8.191.350.465
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	6.359.326.426	4.990.471.504
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**170.491.555.065**	**54.794.945.309**
11. Thu nhập khác	31		1.701	24.906.000
12. Chi phí khác	32		-	27.114.357
13. Lợi nhuận khác	**40**		**1.701**	**(2.208.357)**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**170.491.556.766**	**54.792.736.952**
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	1.469.919.953	764.730.115
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	**60**		**169.021.636.813**	**54.028.006.837**
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	4.608	1.393
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	28	4.608	1.393

Chủ tịch Hội đồng quản trị	Kế toán trưởng	Người lập
Trương Quang Minh	Phạm Thị Thủy	Trần Vũ Quốc Tài

Đà Nẵng, ngày 22 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	**01**		**170.491.556.766**	**54.792.736.952**
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao Tài sản cố định và BĐSĐT	02	11,12,13	399.728.458	366.297.827
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		14.747	4.040
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	24	(170.754.420.116)	(54.782.458.638)
3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động	**08**		**136.879.855**	**376.580.181**
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		3.175.191.869	(5.197.512.117)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	9	372.236.146	(1.442.579.032)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(9.438.190.274)	(7.600.724.094)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(237.134.005)	(64.184.448)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	18	(1.250.930.596)	(645.606.563)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.776.941.000)	(3.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**(9.018.888.005)**	**(14.577.526.073)**
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21		(304.537.636)	(60.000.000)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	6	(219.160.000.000)	(94.700.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	6	119.700.000.000	69.330.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	8;24	169.673.825.116	55.006.940.638
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**69.909.287.480**	**29.576.940.638**
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1 Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(35.154.978.670)	(10.703.023.395)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**(35.154.978.670)**	**(10.703.023.395)**
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		**25.735.420.805**	**4.296.391.170**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	6.377.319.596	2.080.932.466
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		(14.747)	(4.040)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	**70**	**5**	**32.112.725.654**	**6.377.319.596**

Chủ tịch Hội đồng quản trị	Kế toán trưởng	Người lập
Trương Quang Minh	Phạm Thị Thủy	Trần Vũ Quốc Tài

Đà Nẵng, ngày 22 tháng 03 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần EVN Quốc tế (sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Cổ phần EVN Campuchia được thành lập ngày 01/10/2007 theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103019858 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội. Công ty Cổ phần EVN Campuchia đăng ký điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần 1 vào ngày 21/5/2008, đổi tên thành Công ty Cổ phần EVN Quốc tế và chuyển trụ sở chính đến Thành phố Đà Nẵng ngày 01/10/2008. Ngày 25/9/2008, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203002232. Cho đến hiện nay, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh này đã được điều chỉnh 7 lần và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 03/07/2020 với mã số doanh nghiệp 0102379203. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: *Quản lý dự án; Tư vấn, giám sát thi công xây dựng.*

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.2 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gởi có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư

Trường hợp các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm cuối kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Dự phòng

Dự phòng đối với khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu;
- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào phần vốn tổn thất trên báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

4.3 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua.
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền đối với nguyên vật liệu, hàng hóa và đích danh đối với dịch vụ tư vấn giám sát, tư vấn quản lý dự án và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá gốc được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 30
Máy móc, thiết bị	10
Phương tiện vận tải	Đã khấu hao hết
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 5

4.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm: Quyền sử dụng đất lâu dài và tài sản cố định vô hình khác.

Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Mức khấu hao dựa trên nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Thời gian khấu hao tài sản cố định vô hình tại Công ty cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Quyền sử dụng Website	Đã khấu hao hết
Quyền sử dụng đất lâu dài	Không khấu hao

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Chính sách khấu hao bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động thực hiện nhất quán với chính sách khấu hao tài sản cố định cùng loại của Công ty. Theo đó, bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 30

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

4.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.9 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty.
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.10 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức, lợi nhuận trả cho cổ đông góp vốn không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.12 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
  - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều niên độ thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.13 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.14 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.15 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.16 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.17 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT: Áp dụng mức thuế suất 10% đối với hoạt động tư vấn, giám sát thi công xây dựng và cho thuê văn phòng.
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2021	01/01/2021
Tiền mặt	4.517.000	122.002.000
Tiền gửi ngân hàng	68.208.654	55.317.596
Tiền gửi kỳ hạn không quá 3 tháng	32.040.000.000	6.200.000.000
Cộng	**32.112.725.654**	**6.377.319.596**

6. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Tiền gửi ngân hàng	196.160.000.000	96.700.000.000
Cộng	**196.160.000.000**	**96.700.000.000**

Tại thời điểm 31/12/2021, toàn bộ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi trên 3 tháng và có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng các khoản tiền gửi này không bị tổn thất, suy giảm về giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2021	01/01/2021
Công ty TNHH Điện mặt trời Trung Nam - Thuận Nam	5.010.434.000	6.969.390.600
BQL dự án các công trình điện Miền Trung	2.646.735.671	3.432.529.249
Công ty CP Phong Điện Ia Pét Đak Đoa Số Một	997.500.000	-
Các đối tượng khác	1.579.241.422	1.971.002.358
Cộng	**10.233.911.093**	**12.372.922.207**

Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2021	01/01/2021
Tổng Công ty phát điện 1	Công ty đầu tư	135.665.965	135.665.965
Ban Quản lý dự án lưới điện Hà Nội	Chung Công ty đầu tư	23.265.000	-
BQL dự án các công trình điện Miền Trung	Chung Công ty đầu tư	2.646.735.671	3.432.529.249
Công ty CP Thủy điện A Vương	Chung Công ty đầu tư	89.127.684	266.600.593
Công ty Truyền Tải điện 3	Chung Công ty đầu tư	-	108.640.000
Cộng		**2.894.794.320**	**3.943.435.807**

8. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	3.954.072.000	-	2.873.477.000	-
Tạm ứng	-	-	1.930.000	-
Các khoản khác	257.892.748	-	94.853.985	-
Cộng	**4.211.964.748**	**-**	**2.970.260.985**	**-**

9. Hàng tồn kho

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (Tư vấn giám sát)	1.592.877.664	-	1.965.113.810	-
Cộng	**1.592.877.664**	**-**	**1.965.113.810**	**-**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Chi phí thuê nhà	70.500.000	96.000.000
Chi phí bảo hiểm	18.207.973	20.036.057
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	309.399.623	24.039.178
Chi phí trả trước khác	24.415.322	44.413.678
Cộng	**422.522.918**	**184.488.913**

11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	5.445.292.329	297.272.727	3.342.007.200	144.084.075	9.228.656.331
Tăng trong năm	-	-	-	213.950.000	213.950.000
Chuyển tài sản từ BĐS đầu tư	281.249.189	-	-	-	281.249.189
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số cuối năm	**5.726.541.518**	**297.272.727**	**3.342.007.200**	**358.034.075**	**9.723.855.520**
Khấu hao					
Số đầu năm	1.628.527.235	264.986.999	3.342.007.200	132.424.874	5.367.946.308
Khấu hao trong năm	187.030.707	29.727.276	-	51.279.574	268.037.557
Chuyển tài sản từ BĐS đầu tư	84.803.081	-	-	-	84.803.081
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số cuối năm	**1.900.361.023**	**294.714.275**	**3.342.007.200**	**183.704.448**	**5.720.786.946**
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	3.816.765.094	32.285.728	-	11.659.201	3.860.710.023
Số cuối năm	**3.826.180.495**	**2.558.452**	-	**174.329.627**	**4.003.068.574**

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2021 là 3.531.399.184 đồng.
- Không có TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay tại 31/12/2021.
- Không có TSCĐ hữu hình chờ thanh lý.
- Không có các cam kết về mua lại TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất(*)	Quyền sử dụng Website	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	25.424.000.000	38.721.745	25.462.721.745
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	6.356.000.000	-	6.356.000.000
Số cuối năm	**19.068.000.000**	**38.721.745**	**19.106.721.745**
Khấu hao			
Số đầu năm	-	38.721.745	38.721.745
Khấu hao trong năm	-	-	-
Giảm trong năm		-	-
Số cuối năm	-	**38.721.745**	**38.721.745**
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	25.424.000.000	-	25.424.000.000
Số cuối năm	**19.068.000.000**	-	**19.068.000.000**

(*) Là quyền sử dụng đất lâu dài tại Lô 91 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Khuê Trung, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng với diện tích là 2.542,4m^2. Công ty sử dụng làm trụ sở làm việc và cho thuê văn phòng.

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2021 là 38.721.745 đồng.

13. Bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất	Nhà	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	12.712.000.000	4.060.512.623	16.772.512.623
Tăng trong năm	6.356.000.000	-	6.356.000.000
Giảm trong năm		281.249.189	281.249.189
Số cuối năm	**19.068.000.000**	**3.779.263.434**	**22.847.263.434**
Khấu hao lũy kế			
Số đầu năm	-	1.226.076.159	1.226.076.159
Tăng trong năm	-	131.690.901	131.690.901
Giảm trong năm		84.803.081	84.803.081
Số cuối năm	-	**1.272.963.979**	**1.272.963.979**
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	12.712.000.000	2.834.436.464	15.546.436.464
Số cuối năm	**19.068.000.000**	**2.506.299.455**	**21.574.299.455**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2021	01/01/2021
Dự án thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5 (*)	24.313.325.211	24.258.325.211
Dự án thủy điện SeKong (*)	8.755.911.108	8.755.911.108
Dự án thủy điện Nậm Mô 1 (*)	7.197.230.643	7.197.230.643
Chi phí sửa chữa trụ sở EVNI	35.587.636	-
Cộng	**40.302.054.598**	**40.211.466.962**

(*) Số dư chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 31/12/2021 đang trình bày trên Báo cáo tài chính đã bao gồm phần thuế GTGT đầu vào của các dự án và chi phí quản lý dự án do chính Công ty thực hiện, chi tiết như sau:

Dự án	Địa điểm	Thuế GTGT đầu vào	Chi phí quản lý dự án (*)	Chi phí thuê đơn vị tư vấn	Tổng
Dự án thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5	Campuchia	1.789.456.405	5.191.997.418	17.331.871.388	24.313.325.211
Dự án thủy điện SeKong	Campuchia	436.517.605	1.012.397.167	7.306.996.336	8.755.911.108
Dự án thủy điện Nậm Mô 1	Lào	248.371.168	2.044.783.118	4.904.076.357	7.197.230.643
Cộng		**2.474.345.178**	**8.249.177.703**	**29.542.944.081**	**40.266.466.962**

(*) Chi phí quản lý dự án bao gồm các chi phí như: tiền thuê văn phòng Công ty tại Việt Nam được phân bổ; chi phí thuê văn phòng tại khu vực dự án làm văn phòng quản lý, điều hành dự án; chi phí khấu hao tài sản cố định (phương tiện, máy móc) phục vụ điều hành dự án; chi phí nhiên liệu, công cụ dụng cụ tham gia trực tiếp công tác điều hành dự án; chi phí tiền lương cán bộ, nhân viên tham gia quản lý dự án; chi phí mua vé máy bay, vé xe cho cán bộ, nhân viên đi công tác, chi phí tiếp khách, tổ chức hội họp liên quan đến dự án.

Cơ sở pháp lý để Công ty hạch toán các chi phí trên vào chi phí quản lý dự án như sau:

- Khoản 1, Điều 3, chương III tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty nêu rõ: "Đầu tư, quản lý dự án công trình thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5 và Hạ Sê San 2 và các dự án điện lực khác tại Campuchia";
- Tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần của Công ty (đăng ký thay đổi lần thứ 5, ngày 21/01/2015), Mục 3 - Ngành, nghề kinh doanh, nội dung thứ 5, ghi rõ "quản lý dự án".
- Từ khi thành lập đến nay, Công ty hoạt động với nhiệm vụ chính là nghiên cứu đầu tư các dự án, theo hướng dẫn tại Nghị định số 99/2007/NĐ-CP ngày 13/6/2007, Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/2/2009 của Chính phủ và các quy định hiện hành về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình, trong đó chi phí quản lý dự án là một hạng mục chi phí bao gồm các chi phí để tổ chức thực hiện quản lý dự án từ khi lập dự án đến khi hoàn thành, nghiệm thu, bàn giao đưa công trình vào khai thác sử dụng. Chi phí này nhằm mục đích để chủ đầu tư thuê tư vấn thực hiện nhiệm vụ tư vấn quản lý dự án. Ở đây, Công ty đủ năng lực thực hiện nên đã tổ chức tự thực hiện nhiệm vụ. Công ty phải phân bổ các chi phí quản lý cho các dự án đang được nghiên cứu đầu tư nhằm phản ánh đầy đủ chi phí hình thành tài sản cố định.
- Nguyên tắc "phù hợp" được quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 "Chuẩn mực chung" có nêu: "Việc ghi nhận doanh thu và chi phí phải phù hợp với nhau. Khi ghi nhận một khoản doanh thu thì phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng tạo ra doanh thu đó. Chi phí tương ứng với doanh thu gồm chi phí của kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó".

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2021	01/01/2021
Công ty TNHH Thủy điện Hạ Sê San 2 (*)	231.146.788.190	231.146.788.190
Cộng	**231.146.788.190**	**231.146.788.190**

(*) Phần vốn góp của Công ty trong Công ty TNHH Thủy điện Hạ Sê San 2 là 10% vốn chủ sở hữu. Số vốn góp được xác định tương ứng với toàn bộ các công việc mà Công ty đã thực hiện cho Dự án thể hiện bằng các tài liệu, kế hoạch, nghiên cứu khả thi, hồ sơ kỹ thuật đã hoàn thành của Dự án. Quyết toán chi phí thực hiện khối lượng công việc nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông năm 2013 của Công ty thông qua với giá trị 231.146.788.190 đồng (chưa bao gồm thuế GTGT). Xem Thuyết minh chi tiết tại mục 29 "Các khoản đầu tư và sự kiện liên quan"

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty TNHH Thủy điện Hạ Sê San 2 đã diễn ra dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản đã thông qua một số nội dung chủ yếu như sau:

1/ Thông qua tình hình thực hiện vốn năm 2020: Trong năm 2020, Công ty không có khoản vay nào giải ngân từ ngân hàng và không có khoản trả nợ gốc nào cho ngân hàng. Dư nợ đến cuối năm 2020 là 553,27 triệu USD, trong đó 547 triệu USD từ tổ chức và 6,27 triệu USD từ cổ đông.

2/ Thông qua kế hoạch ngân sách hoạt động năm 2021 như sau:

- **Doanh thu điện**: Doanh số điện dự kiến là 1.710 Gwh. Dựa trên điều này, doanh thu điện dự kiến là 124 triệu USD, bao gồm 90 triệu USD từ vận hành và 34 triệu USD từ xử lý tài sản tài chính hoạt động.
- **Chi phí vận hành**: Năm 2021 ước tính chi phí vận hành là 26,78 triệu USD, bao gồm 0,77 triệu USD chi phí vật tư, 10,79 triệu USD lương nhân viên, 2,12 triệu USD chi phí đại tu, 10,10 triệu USD chi phí khác (các loại chi phí sản xuất hàng ngày, phí bảo hiểm và v.v...) và 3,00 triệu USD dự phòng thay thế tài sản.
- **Chi phí lãi vay**: Dư nợ dự kiến đến cuối năm 2021 là 533,74 triệu USD. Khoản lãi ước tính phải trả vào năm 2021 sẽ là 24,63 triệu.

3/ Thông qua báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán Pricewaterhouse Coopers Campuchia. Đến ngày 31/12/2020, một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty TNHH Thủy điện Hạ Sê San 2 như sau:

Đơn vị tính: USD

Chỉ tiêu	31/12/2020
Tổng tài sản	814.819.692
Tổng nợ phải trả	601.798.591
Vốn chủ sở hữu do cổ đông góp	213.021.101
Vốn cổ phần	1.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	131.063.200
Dự trữ pháp định	100.000
Lợi nhuận chưa phân phối	80.857.901

Năm 2021, Nhà máy Thủy điện Hạ Sê San 2 đã phát và hòa lưới 1.996 triệu kWh điện, đạt 114% sản lượng kế hoạch năm 2021 và vượt 5% so với sản lượng thiết kế (1.912 triệu kWh); sản lượng điện đã sản xuất lũy kế đến 31/12/2021 là 6,33 tỷ kWh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4/ Phân phối lợi nhuận: Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020, Công ty TNHH Thủy điện Hạ Sê San 2 đã thực hiện phân phối lợi nhuận cho Công ty trong năm 2021 là 8,3 triệu USD (trước thuế, phí). Trong đó, đợt 1 là 4,5 triệu USD và đợt 2 là 3,8 triệu USD. Qua hơn 2 năm phát điện, đến ngày 31/12/2021, lũy kế tiền cổ tức ròng (sau thuế) Công ty đã nhận được từ dự án là 213 tỷ đồng, thu hồi 92% giá trị khoản đầu tư.

16. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Công ty Cổ phần Năng lượng	920.000.000	1.287.000.000
Viện năng lượng	509.500.000	509.500.000
Công ty TNHH Năng lượng tái tạo TFE	655.000.000	1.089.000.000
Phải trả người bán khác	94.229.280	10.672.918.581
Cộng	**2.178.729.280**	**13.558.418.581**

17. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Hàm Thuận Bắc	400.000.000	-
BQL dự án các công trình Điện Miền Trung (Bên liên quan)	1.505.859.124	443.635.356
Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương (Bên liên quan)	-	309.090.909
Ban quản lý dự án Sông Bung 2 (Bên liên quan)	305.416.322	305.416.322
Cộng	**2.211.275.446**	**1.058.142.587**

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	300.746.738	1.469.919.953	1.250.930.596	519.736.095
Thuế thu nhập cá nhân	104.951.985	670.388.799	510.349.370	264.991.414
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	7.680.000	7.680.000	-
Phí và lệ phí	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	**405.698.723**	**2.150.988.752**	**1.771.959.966**	**784.727.509**

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Chi phí tiền điện	11.000.000	9.700.000
Cộng	**11.000.000**	**9.700.000**

20. Phải trả khác

a. Ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Nhận ký quỹ, ký cược (Đặt cọc thuê văn phòng)	44.500.000	28.800.000
Cổ tức phải trả	38.499.431.435	300.120.105
Các khoản khác	92.477.000	-
Cộng	**38.636.408.435**	**328.920.105**

b. Dài hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn (Đặt cọc thuê văn phòng)	23.700.000	74.900.000
Cộng	**23.700.000**	**74.900.000**

21. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	LNST chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2020	**366.771.450.000**	**12.273.637.966**	**379.045.087.966**
Tăng trong năm	-	54.028.006.837	54.028.006.837
Giảm trong năm	-	11.175.186.500	11.175.186.500
Số dư tại 31/12/2020	**366.771.450.000**	**55.126.458.303**	**421.897.908.303**
Số dư tại 01/01/2021	**366.771.450.000**	**55.126.458.303**	**421.897.908.303**
Tăng trong năm	-	169.021.636.813	169.021.636.813
Giảm trong năm	-	76.274.309.000	76.274.309.000
Số dư tại 31/12/2021	**366.771.450.000**	**147.873.786.116**	**514.645.236.116**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Cổ phiếu

	31/12/2021 Cổ phiếu	01/01/2021 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	36.677.145	36.677.145
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	36.677.145	36.677.145
- Cổ phiếu phổ thông	*36.677.145*	*36.677.145*
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	36.677.145	36.677.145
- Cổ phiếu phổ thông	*36.677.145*	*36.677.145*
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND

c. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2021	Năm 2020
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	55.126.458.303	12.273.637.966
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	169.021.636.813	54.028.006.837
Phân phối lợi nhuận	76.274.309.000	11.175.186.500
Phân phối lợi nhuận kỳ trước (*)	39.597.164.000	11.175.186.500
- Trả cổ tức bằng tiền	*36.677.145.000*	*11.003.143.500*
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	*2.331.342.000*	*172.043.000*
- Thù lao HĐQT và Ban điều hành	*588.677.000*	-
Tạm phân phối lợi nhuận kỳ này (Chia cổ tức) (**)	36.677.145.000	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	**147.873.786.116**	**55.126.458.303**

(*) Phân phối lợi nhuận năm 2020 theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/06/2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên.

(**) Tạm ứng cổ tức năm 2021 theo Nghị quyết số 48/NQ-HĐQT ngày 21/12/2021 của Hội đồng quản trị EVNI.

22. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2021	Năm 2020
Doanh thu dịch vụ tư vấn giám sát, tư vấn QLDA	17.646.961.799	13.660.908.454
Doanh thu cho thuê văn phòng	937.351.358	927.500.003
Cộng	**18.584.313.157**	**14.588.408.457**

23. Giá vốn hàng bán

	Năm 2021	Năm 2020
Giá vốn dịch vụ tư vấn giám sát, tư vấn QLDA	13.040.170.057	9.186.320.422
Giá vốn cho thuê văn phòng	341.918.725	323.009.850
Cộng	**13.382.088.782**	**9.509.330.272**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

24. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2021	Năm 2020
Lãi tiền gửi	7.380.220.116	5.175.004.463
Lãi chậm thanh toán	5.303.625	7.538.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	189.970.000.000	57.715.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	888.954.951	146.630
Cộng	**198.244.478.692**	**62.897.689.093**

25. Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2021	Năm 2020
Chi phí thuế đánh trên cổ tức chuyển về nước đã nộp tại Campuchia (*)	26.595.800.000	8.080.100.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	6.829	83.804.640
Phí chuyển tiền cổ tức về tài khoản ngoại tệ	-	27.445.825
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ	14.747	-
Cộng	**26.595.821.576**	**8.191.350.465**

(*) Là thuế đánh trên phần cổ tức chuyển về nước (14% cổ tức thực chuyển) mà Chính phủ Campuchia đã khấu trừ khi Công ty TNHH Thủy điện Hạ Sê San 2 chuyển trả cổ tức năm 2020 cho Công ty.

26. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2021	Năm 2020
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	87.387.989	33.032.924
Lương và các khoản trích theo lương	3.998.990.120	2.834.889.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	256.102.051	214.525.740
Chi phí dịch vụ mua ngoài	486.149.328	566.060.112
Chi phí bằng tiền khác	1.530.696.938	1.341.963.728
Cộng	**6.359.326.426**	**4.990.471.504**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

27. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2021	Năm 2020
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**170.491.556.766**	**54.792.736.952**
- Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh	*7.117.356.766*	*5.157.836.952*
- Lợi nhuận từ cổ tức nhận được từ nước ngoài	*163.374.200.000*	*49.634.900.000*
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	**26.828.043.000**	**8.287.218.397**
- Điều chỉnh tăng	26.828.043.000	8.287.218.397
+ Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành	*232.243.000*	*180.000.000*
+ Chi phí không hợp lý, hợp lệ	-	*27.118.397*
+ Chi phí thuế đánh trên cổ tức chuyển về nước đã nộp tại Campuchia	*26.595.800.000*	*8.080.100.000*
- Điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	**197.319.599.766**	**63.079.955.349**
- Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh	*7.349.599.766*	*5.364.955.349*
- Thu nhập từ cổ tức nhận được từ nước ngoài	*189.970.000.000*	*57.715.000.000*
Thuế thu nhập doanh nghiệp	**39.463.919.953**	**12.615.991.070**
- Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh (20%)	*1.469.919.953*	*1.072.991.070*
-Thu nhập từ cổ tức nhận được từ nước ngoài (20%)	*37.994.000.000*	*11.543.000.000*
Thuế TNDN được miễn, khấu trừ thuế đã nộp ở NN	**37.994.000.000**	**11.864.897.321**
- Miễn thuế TNDN đã nộp ở nước ngoài (*)	*37.994.000.000*	*11.543.000.000*
- Thuế TNDN được giảm 30% theo NQ 116/2020/QH14	-	*321.897.321*
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**1.469.919.953**	**764.730.115**
Trong đó:		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	*1.469.919.953*	*751.093.749*
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	*13.636.366*

(*) Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn nộp đối với cổ tức nhận được từ đầu tư vốn tại Vương quốc Campuchia theo Hiệp định ký ngày 31/3/2018 giữa Chính phủ Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Vương quốc Campuchia về tránh đánh thuế 02 lần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

28. Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2021	Năm 2020
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	169.021.636.813	54.028.006.837
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	(2.920.019.000)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (quỹ khen thưởng phúc lợi, thù lao, lương HĐQT, BKS và Ban TGĐ)	-	2.920.019.000
LN hoặc lỗ phân bổ cho CĐ sở hữu cổ phiếu phổ thông	169.021.636.813	51.107.987.837
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	36.677.145	36.677.145
Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu (*)	**4.608**	**1.393**

(*) Chỉ tiêu "Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu" năm 2020 thay đổi do Công ty điều chỉnh các khoản giảm trừ (Quỹ khen thưởng phúc lợi, bổ sung thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và lương của Ban điều hành) vào Lợi nhuận sau thuế năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/06/2021.

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông cũng như Điều lệ Công ty không quy định số liệu trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi. Do đó, chỉ tiêu lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu năm 2021 có thể thay đổi tùy thuộc vào số liệu phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông sắp đến về Quỹ khen thưởng, phúc lợi

29. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2021	Năm 2020
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	511.997.254	330.406.399
Chi phí nhân công	10.902.119.498	7.114.506.582
Chi phí khấu hao tài sản cố định	399.728.458	366.297.827
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.613.860.872	3.073.681.512
Chi phí khác bằng tiền	5.941.472.980	5.057.488.488
Cộng	**19.369.179.062**	**15.942.380.808**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

30. Thông tin về các dự án/khoản đầu tư và đánh giá của Chủ tịch HĐQT, Ban Tổng Giám đốc Công ty về các dự án

Theo Quyết định số 110/2007/QĐ-TTg ngày 18/7/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2006-2015 có xét đến năm 2025 và Quyết định số 1028/QĐ-TTg ngày 21/7/2011 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2011-2020 có xét đến năm 2030. Căn cứ theo Công văn số 5239/CV-EVN-TCCB&ĐT ngày 04/10/2007 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam thì công tác quản lý dự án các công trình dự án thủy điện Hạ Sê San 1/Sê San 5, Hạ Sê San 2 và lưới điện đồng bộ tại Campuchia được giao cho Công ty Cổ phần EVN Campuchia (nay là Công ty Cổ phần EVN Quốc tế - EVNI) tiếp tục thực hiện các công tác quản lý dự án, đầu tư xây dựng. Quá trình thực hiện các dự án này đến 31/12/2021 được tóm tắt như sau:

(1) *Dự án thủy điện Hạ Sê San 2 và đường dây đấu nối:* Đây là dự án thủy điện có công suất 400MW, nằm ở hợp lưu sông Sê San và Sông Srepok thuộc huyện Sê San tỉnh Stung Treng, Vương quốc Campuchia và là dự án thủy điện lớn nhất hiện nay của Campuchia. Tổng chi phí đầu tư của EVNI cho công tác lập kế hoạch, nghiên cứu khả thi, hoàn thành hồ sơ kỹ thuật của Dự án là 231.146.788.190 đồng. Theo Biên bản làm việc ngày 28/8/2012, biên bản thỏa thuận ngày 05/11/2012 giữa EVNI, Công ty TNHH Royal Group và Công ty TNHH Thủy điện Hạ Sê San 2 (là pháp nhân do 2 bên góp vốn thành lập để thực hiện đầu tư và phát triển dự án thủy điện Hạ Sê san 2, gọi tắt là công ty dự án), các bên đã chấp thuận EVNI tham gia 10% vốn chủ sở hữu trong dự án thủy điện Hạ Sê San 2 cũng như trong công ty dự án (tỷ lệ 10% này là cố định đối với mọi sự tăng, giảm của tổng mức đầu tư và/hoặc vốn chủ sở hữu thực hiện của dự án và/hoặc Công ty dự án và không thay đổi trong toàn bộ vòng đời của công ty dự án). Số vốn góp được xác định tương ứng với toàn bộ các công việc mà EVNI đã thực hiện cho dự án. Theo đó, EVNI phải chuyển giao tất cả các tài liệu, kế hoạch, nghiên cứu khả thi, hồ sơ kỹ thuật đã hoàn thành của dự án cho công ty dự án. Ngày 5/11/2012, EVNI đã bàn giao tất cả các tài liệu nêu trên cho Công ty TNHH Thủy điện Hạ Sê San 2.

Dự án Thủy điện Hạ Sê San 2 đã phát điện thương mại giữa tháng 12/2018 và chỉ qua 02 năm hoạt động (năm 2019 và 2020) đã đem lại cổ tức ròng (sau khi trừ tất cả các khoản thuế phí của Vương quốc Campuchia) cho Công ty là 213 tỷ đồng (bằng 92% chi phí đầu tư vào dự án). Hiện nay, nhà máy đã hoạt động ổn định và trong các năm tới dự án chắc chắn tiếp tục sinh lời; dự kiến EVNI sẽ hoàn vốn đầu tư dự án trong năm 2022 (Hoàn vốn sau 6 năm chuyển giao và hợp tác đầu tư dự án).

(2) Dự án thủy điện Hạ Sê San1/Sê San 5: Biên bản ghi nhớ về nghiên cứu khả thi của dự án (sau đây gọi tắt là "MoU") của dự án thủy điện Hạ Sê San1/Sê San 5 tại Vương quốc Campuchia đã hết hiệu lực vào ngày 30/06/2016. Tổng giá trị đã thực hiện của dự án thủy điện Hạ Sê San1/Sê San 5 là 24.313.325.211 đồng. Ngày 16/06/2016, Công ty đã có công văn số 115/CV-EVNI-TH gửi Bộ Mỏ và Năng lượng (MME) thuộc Vương quốc Campuchia đề nghị gia hạn MoU đến 30/06/2018. Ngày 05/10/2016, Bộ Mỏ và Năng lượng (MME) thuộc Vương quốc Campuchia đã có văn bản số 1135 GDE gửi đến Công ty yêu cầu nộp một khoản lệ phí công (public fee) với mức 90.000.000 Riel/năm (khoảng 548 triệu đồng/năm) để được gia hạn và hình thức nộp bằng tiền mặt. Ngày 21/09/2017, Công ty đã có công văn số 186/CV-EVNI-TH đề nghị MME gia hạn MoU đến 30/09/2018 và xem xét miễn giảm khoản phí gia hạn do đặc thù của dự án nằm trên biên giới Việt Nam và Campuchia trong đó phần diện tích mặt hồ 50% thuộc Campuchia và 50% thuộc Việt Nam đồng thời chấp thuận gia hạn MoU của dự án và tổ chức báo cáo FS của dự án. Ngày 10/06/2019, Công ty đã có công văn số 159A/ EVNI-TH gửi Bộ Mỏ và Năng lượng (MME) thuộc Vương quốc Campuchia đề nghị gia hạn MoU đến 30/06/2021. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, phía MME chưa có ý kiến trả lời đối với đề nghị của Công ty.

Hiện nay, do tình hình dịch bệnh Covid kéo dài từ 2019 đến nay nên việc đi lại giữa hai nước bị hạn chế, EVNI chưa thực hiện việc tiếp cận với MIME để thực hiện việc gia hạn MoU của dự án cũng như việc triển khai các bước tiếp theo của dự án. Về phía các cơ quan ban ngành và Chính phủ Việt Nam, EVNI đã có các văn bản kiến nghị EVN; Bộ Kế hoạch và đầu tư, Chính phủ cho phép EVNI tiếp tục triển khai thực hiện dự án khi EVNI đã có các nguồn thu từ dự án Sê San 2.

Ban điều hành Công ty cũng tăng cường trao đổi thông tin với Hiệp hội các nhà đầu tư Việt Nam sang Campuchia (AVIC) để được giới thiệu tìm kiếm đối tác chuyển giao dự án.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Ngoài ra, EVNI đã triển khai nghiên cứu dự án thủy điện Sekong tại Vương quốc Campuchia và dự án thủy điện Nậm Mô 1 tại Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào. Quá trình triển khai nghiên cứu khả thi các dự án này đến 31/12/2021 được tóm tắt như sau:

(3) *Dự án thủy điện Sekong:* Dự án thủy điện Sê Kông được triển khai thực hiện trên cơ sở biên bản ghi nhớ (MoU) ký ngày 09/12/2009 giữa Bộ Công nghiệp, Mỏ và Năng lượng Campuchia (MIME) và EVNI về việc nghiên cứu dự án thủy điện Sê Kông. MoU của dự án hết hiệu lực vào ngày 30/06/2013. EVNI đã hoàn thành Báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án và nộp MIME tháng 6/2012. Đến tháng 09/2013, EVNI nhận được văn bản số 2335.MIME của Bộ Công nghiệp, Mỏ và Năng lượng Campuchia về việc dừng gia hạn MOU do dự án ảnh hưởng đến môi trường tự nhiên và xã hội. Tuy nhiên theo đánh giá của EVNI là do tại thời điểm năm 2012 EVNI không thực hiện triển khai dự án Thủy điện Hạ Sê San 2 (EVNI chuyển giao dự án và tham gia góp vốn 10% vào dự án) nên điều này ảnh hưởng đến các dự án điện của Campuchia, vì thế phía Campuchia không thực hiện gia hạn MoU của dự án. Tổng giá trị đã thực hiện của dự án thủy điện Sekong là 8.755.911.108 đồng (trong đó, chi phí đầu tư là 8.319.393.503 đồng, VAT tương ứng là 436.517.605 đồng).

Từ 2013 đến nay, thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ về việc tìm kiếm đối tác để chuyển giao dự án hoặc tham gia góp vốn tương ứng với giá trị bỏ ra, EVNI đã có các kiến nghị đến Bộ Kế hoạch và đầu tư; Hiệp hội các nhà Đầu tư Việt Nam sang Campuchia (AVIC) và làm việc trực tiếp với Tổng cục Năng lượng - MIME về các chi phí đã thực hiện (Dự án hoàn thành đầy đủ báo cáo FS theo đúng thời gian quy định của MoU), đề nghị phía Campuchia thu hồi chi phí của EVNI trong trường hợp MIME giao cho Nhà đầu tư khác thực hiện hoặc giới thiệu EVNI tham gia hợp tác với chi phí đã thực hiện tương tự dự án thủy điện Hạ Sê San 2.

Trong thời gian tới EVNI sẽ làm việc với các cổ đông của Công ty TNHH thủy điện Hạ Sê San 2 (Công ty mà EVNI đang sở hữu 10% vốn góp) để hợp tác triển khai dự án Thủy điện Sê Koong (dự án có vị trí địa lý và các điều kiện tương tự dự án thủy điện Hạ Sê San 2 và cách dự án Thủy điện Hạ Sê San 2 40km trong cùng tỉnh Sungtreng- Campuchia).

(4) *Dự án thủy điện Nậm Mô 1:* Tổng giá trị đã thực hiện của dự án thủy điện Nậm Mô 1 (sau kiểm toán dự án) là 7.197.230.643 đồng (trong đó, chi phí đầu tư là 6.948.859.475 đồng, VAT tương ứng là 248.371.168 đồng). Dự án được thực hiện theo MOU đã ký ngày 04/03/2010 giữa EVNI và Chính phủ nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào về việc triển khai nghiên cứu đầu tư và phát triển dự án thủy điện Nậm Mô 1. EVNI đã hoàn thành BCNCKT và trình Bộ Năng lượng và mỏ của Lào (MEM) vào tháng 11/2012. Tháng 5/2013, Công ty đã tổ chức báo cáo hồ sơ nghiên cứu khả khi và đề nghị phía Lào thông qua dự án để EVNI ký Hợp đồng phát triển dự án (PDA) nhằm kéo dài thời gian nghiên cứu dự án thêm 18 tháng phục vụ tìm kiếm đối tác cùng hợp tác đầu tư hoặc chuyển nhượng. Sau khi thông qua báo cáo phía Lào đã có văn bản chính thức thông qua sơ bộ BCNCKT theo văn bản số: 535/MEM.DEPP ngày 24/07/2013 (đây là một trong điều kiện đầu vào để ký PDA; một điều kiện khác là TOR của EIA được phê duyệt, Công ty cũng đã hoàn thành). Tuy nhiên tại thời điểm thông qua BCNCKT tháng 7/2013 quyền nghiên cứu phát triển dự án được thể hiện trong MoU đã hết hạn vào tháng 05/2013 do đó MEM từ chối ký PDA cho dự án.

Việc MEM chậm trễ trong việc tổ chức tổ chức họp xem xét hồ sơ BCNCKT của dự án (BCNCKT được EVNI nộp lên Bộ Năng lượng và Mỏ của Lào vào tháng 11/2012 nhưng đến tháng 5/2013 phía Lào mới tổ chức họp và tháng 7/2013 được sơ bộ thông qua, thời gian tổ chức họp kéo dài hơn 6 tháng kể từ thời điểm nộp hồ sơ BCNCKT dự án, dẫn đến khi BCNCKT của dự án được thông qua thì MOU của dự án đã hết hạn, không đủ điều kiện để ký PDA cho dự án) EVNI đã nhiều lần đề nghị phía MEM, các bộ ngành liên quan cho phép gia hạn MoU với thời gian gia hạn để bù cho việc phía Lào chậm trễ trong việc tổ chức họp thông qua BCNCKT của dự án hoặc cho phép ký PDA mà không cần gia hạn MoU nhưng vẫn chưa nhận được ý kiến phản hồi từ phía Lào.

Từ năm 2018 đến năm 2020, EVNI đã có công văn gửi Hiệp hội các nhà đầu tư sang Lào (AVIL) bày tỏ mong muốn AVIL hỗ trợ giới thiệu các đối tác quan tâm đến dự án này để hợp tác, chuyển giao dự án.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Đồng thời kiến nghị Bộ Kế hoạch và đầu tư Việt Nam có ý kiến với MEM đồng ý để EVNI tiếp tục thực hiện PDA và triển khai dự án.

Đánh giá của Công ty về các dự án đang đầu tư dở dang:

Thực tế cho thấy, việc thực hiện đầu tư các dự án điện tại nước ngoài sẽ bị tác động bởi quá trình phát triển kinh tế xã hội của nước sở tại (nhu cầu điện gắn liền với tốc độ phát triển kinh tế xã hội qua các năm); Ngoài ra, còn bị ảnh hưởng bởi yếu tố chính trị và mục tiêu đầu tư bán đầu của EVNI (đưa điện về Việt Nam). EVNI cho rằng xu thế phát triển tất yếu của kinh tế xã hội sẽ làm nhu cầu về điện ngày càng tăng cao (như thực trạng thị trường điện tại Việt Nam hiện nay), khi các dự án nguồn điện cạn kiệt thì các nhà đầu tư sẽ tiếp tục quan tâm tìm kiếm các dự án thủy điện (năng lượng sạch). Đây sẽ là điều kiện để EVNI thực hiện chuyển giao hoặc hợp tác đầu tư tương tự dự án thủy điện Hạ Sê San 2.

Là đơn vị chuyên ngành về điện năng và có nhiều năm nghiên cứu về thị trường điện, EVNI cho rằng các dự án thủy điện nêu trên vẫn có khả năng thu được lợi ích trong tương lai, thu hồi các chi phí đã thực hiện và đem lại hiệu quả (như dự án thủy điện Hạ Sê San 2 mà EVNI đã thực hiện đầu tư).

Ban Lãnh đạo Công ty vẫn đang tiếp tục theo dõi, xem xét, đánh giá các tín hiệu tích cực về các dự án thủy điện nêu trên và xây dựng phương án trình các cấp có thẩm quyền đầu tư hoặc chuyển giao các dự án như dự án Thủy điện Hạ sê san 2. Công tác triển khai, tìm kiếm đối tác thích hợp để chuyển giao không dễ dàng và có thể kéo dài nhưng với kinh nghiệm quản lý dự án nhiều năm Công ty cho rằng tính khả thi và hiệu quả của mỗi dự án đều rất tốt nên vẫn có khả năng tìm được đối tác thích hợp trong việc hợp tác, chuyển giao các dự án như dự án Thủy điện Hạ sê san 2. Và rủi ro tổn thất đối với các chi phí đã bỏ ra là không chắc chắn. Do đó, EVNI không ghi nhận chi phí đầu tư vào 03 dự án nêu trên như là khoản tổn thất trong giai đoạn hiện nay.

31. Quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất, rủi ro về tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về tỷ giá và giá.

Quản lý rủi ro về tỷ giá

Do có các giao dịch nhận cổ tức từ các khoản đầu tư ở nước ngoài bằng ngoại tệ, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá khi quy đổi về đồng tiền ghi sổ. Tuy nhiên, việc giao dịch chuyển đổi tiền tệ với ngân hàng được thực hiện trong thời gian ngắn nên Công ty cho rằng các biến động dẫn đến rủi ro về tỷ giá là ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua nguyên vật liệu từ nhà cung cấp trong nước và nước ngoài để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá của nguyên vật liệu đầu vào. Tuy nhiên, chi phí nguyên vật liệu đối với hoạt động tư vấn, giám sát chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng giá thành sản phẩm nên Công ty cho rằng rủi ro về giá trong hoạt động sản xuất kinh doanh là ở mức thấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Công ty phần lớn là các công ty thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các công ty lớn, uy tín. Đây là các khách hàng truyền thống, thanh toán tiền kịp thời, do đó Chủ tịch và Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhàn rỗi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,…

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

31/12/2021	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	2.178.729.280	-	2.178.729.280
Chi phí phải trả	11.000.000	-	11.000.000
Phải trả khác	38.636.408.435	23.700.000	38.660.108.435
Cộng	**40.826.137.715**	**23.700.000**	**40.849.837.715**

01/01/2021	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	13.558.418.581	-	13.558.418.581
Chi phí phải trả	9.700.000	-	9.700.000
Phải trả khác	328.920.105	74.900.000	403.820.105
Cộng	**13.897.038.686**	**74.900.000**	**13.971.938.686**

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đánh giá Công ty không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2021	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	32.112.725.654	-	32.112.725.654
Phải thu khách hàng	10.233.911.093	-	10.233.911.093
Đầu tư tài chính	196.160.000.000	231.146.788.190	427.306.788.190
Phải thu khác	4.203.029.548	-	4.203.029.548
Cộng	**242.709.666.295**	**231.146.788.190**	**473.856.454.485**

01/01/2021	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.377.319.596	-	6.377.319.596
Phải thu khách hàng	12.372.922.207	-	12.372.922.207
Đầu tư tài chính	96.700.000.000	231.146.788.190	327.846.788.190
Phải thu khác	2.968.330.985	-	2.968.330.985
Cộng	**118.418.572.788**	**231.146.788.190**	**349.565.360.978**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

32. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chính là là Quản lý dự án và một bộ phận địa lý chính là Việt Nam.

33. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Phát điện 1	Công ty đầu tư
Ngân hàng TMCP An Bình	Công ty đầu tư
Công ty CP Tư vấn Xây dựng điện 2	Công ty đầu tư
Công ty CP Tư vấn Xây dựng điện 3	Công ty đầu tư
Ban Quản lý dự án các công trình điện Miền Trung	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Thủy điện A Vương	Chung công ty đầu tư
Công ty truyền tải điện 1	Chung nhà đầu tư EVN
Công ty truyền tải điện 2	Chung nhà đầu tư EVN

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong năm

Bên liên quan	Nội dung giao dịch	Năm 2021	Năm 2020
Bán hàng và cung cấp dịch vụ			
Ban Quản lý dự án các công trình điện Miền Trung	Cung cấp dịch vụ tư vấn, giám sát	3.142.544.435	4.976.487.128
Công ty truyền tải điện 1	Cung cấp dịch vụ tư vấn, giám sát	460.110.000	-
Công ty truyền tải điện 3	Cung cấp dịch vụ tư vấn, giám sát	339.438.182	-
Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương	Cung cấp dịch vụ tư vấn, giám sát	335.354.545	227.054.545
Mua hàng hóa và dịch vụ			
Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương	Cung cấp dịch vụ tư vấn, giám sát	129.066.665	120.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

c. Thù lao Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

	Chức vụ	Năm 2021	Năm 2020
Hội đồng quản trị		**848.209.000**	**691.200.000**
Ông Trương Quang Minh	Chủ tịch	533.466.000	421.200.000
Ông Nguyễn Quang Huy	Thành viên	104.914.333	90.000.000
Bà Nguyễn Thị Hương	Thành viên	104.914.333	90.000.000
Ông Lê Vũ Ninh	Thành viên	-	-
Ông Lê Duy Thanh	Thành viên	104.914.333	90.000.000
Ban kiểm soát		**275.977.000**	**234.000.000**
Bà Đinh Hải Ninh	Trưởng ban	104.914.000	90.000.000
Bà Nguyễn Thị Huyền	Thành viên	85.531.500	72.000.000
Bà Vũ Hương Trà	Thành viên	85.531.500	72.000.000
Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng		**934.821.000**	**721.500.000**
Ông Lê Vũ Ninh	Tổng giám đốc	501.105.000	35.100.000
	Phó Tổng giám đốc	-	358.800.000
Ông Lê Thanh Khoa	Phó Tổng giám đốc	31.050.000	-
Bà Phạm Thị Thủy	Kế toán trưởng	402.666.000	327.600.000

34. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ niên độ

Hội đồng Quản trị đã có Nghị quyết số 50/NQ-HĐQT ngày 28/12/2021 về việc tạm ứng cổ tức của năm 2021 bằng tiền như sau: ngày đăng ký cuối cùng là ngày 17/01/2022, thời gian chi trả cổ tức là ngày 27/01/2022.

Ngoài ra, không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc niên độ yêu cầu điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính này.

35. Số liệu so sánh

Là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi AAC.

Chủ tịch Hội đồng quản trị	Kế toán trưởng	Người lập biểu
Trương Quang Minh	Phạm Thị Thủy	Trần Vũ Quốc Tài

Đà Nẵng, ngày 22 tháng 03 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 02 /BC-BKS	*Đà Nẵng, ngày 25 tháng 4 năm 2022*

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

(Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)

Về: KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA CÔNG TY, KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC & KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT VÀ KIỂM SOÁT VIÊN NĂM 2021, PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP EVN Quốc Tế

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam ban hành ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần EVN Quốc tế (Công ty) và Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC;

Ban Kiểm soát Công ty xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) về tình hình hoạt động, kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát (BKS) năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ năm 2022, cụ thể như sau:

I. . THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY

- EVNI hoạt động theo mô hình công ty cổ phần thành lập tại Việt Nam, có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam, thực hiện đầu tư các dự án năng lượng tại nước ngoài, chủ yếu là tại Campuchia và Lào. Đối với mỗi dự án, Công ty tham gia góp vốn cùng các đối tác trong và ngoài nước, để trực tiếp thực hiện đầu tư và điều hành dự án.

- Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên sàn giao dịch Upcom (Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội), mã chứng khoán là EIC.

- Thành phần Ban Kiểm soát của Công ty:

STT	Họvàtên	Chức danh	Ghi chú
1	Đinh Hải Ninh	Trưởng Ban kiểm soát	EVNGENCO1 cử
2	Vũ Hương Trà	Thành viên BKS	Ngân hàng TMCP An Bình cử
3	Nguyễn Thị Huyền	Thành viên BKS	Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại cử

Cả 3 KSV đều thực hiện nhiệm vụ kiêm nhiệm, không có thành viên chuyên trách.

- Tổng số CBNV Công ty đến 31/12/2021 là 33 người, tăng 3 người so với thời điểm 31/12/2020, năm 2021 tất cả CBCNVC của Công ty đã được tiêm văc xin phòng chống covid 19.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2021

1. Hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2021

Ban kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Tổng giám đốc nhưng vẫn duy trì sự độc lập của mình trong việc thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao, phối hợp trong công tác kiểm tra, giám sát và trong việc quản lý vốn chủ sở hữu.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty đã tạo điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của mình, tham gia các cuộc họp HĐQT, các cuộc họp giao ban sản xuất định kỳ hàng tháng của Công ty; cung cấp đầy đủ các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty.

Ban kiểm soát đã thông báo cho HĐQT, Ban Tổng giám đốc về kế hoạch kiểm soát năm 2021 để phối hợp. Ban kiểm soát đã tiến hành kiểm tra cũng như phối hợp với các phòng chức năng của Công ty trong quá trình kiểm tra. Báo cáo kết quả của từng đợt kiểm soát đều được gửi tới HĐQT và Tổng giám đốc Công ty.

Trong năm 2021, BKS Công ty đã triển khai làm việc theo Kế hoạch làm việc năm 2021 với tinh thần làm việc trung thực, cẩn trọng, khách quan, vì lợi ích của Công ty và các cổ đông, tuân thủ đúng quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

Ngoài các đợt làm việc của Ban kiểm soát theo định kỳ, Trưởng Ban Kiểm soát đã tham gia tất cả các cuộc họp của HĐQT, các cuộc họp giao ban sản xuất định kỳ hàng tháng của Ban điều hành Công ty, họp kết luận kiểm toán độc lập BCTC năm 2021 của Công ty, xem xét tài liệu, đóng góp ý kiến vào các vấn đề HĐQT đưa ra bàn bạc.

2. Kết quả kiểm tra, giám sát năm 2021 đối với các hoạt động của Công ty

Trong kỳ kế hoạch hoạt động năm 2021, Ban kiểm soát đã thực hiện 02 đợt kiểm soát trực tiếp tại Công ty và đã đưa ra một số khuyến nghị sau:

- Xử lý chi phí liên quan đến các dự án không được gia hạn: Công ty đánh giá khả năng thu hồi các chi phí đã bỏ ra, trường hợp không thể triển khai được Dự án thì cần xin ý kiến các cổ đông về việc hạch toán các chi phí này hoặc phân bổ chi phí 02 Dự án: (i) thủy điện Sê Kông và (ii) thủy điện Nậm Mô vào kết quả kinh doanh giai đoạn 2021-2023 theo giá trị đã được Công ty TNHH kiểm toán và kế toán AAC nêu trong Báo cáo kiểm toán.

- Tăng cường thu hồi công nợ.

- Sửa đổi, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ

- Bổ sung một số báo giá còn thiếu trong hồ sơ.

- Rà soát sửa đổi bổ sung một số điều khoản trong một số hợp đồng thuê dịch vụ trong năm 2022 để hạn chế hơn rủi ro cho Công ty

3. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và các kiểm soát viên:

Trong kỳ báo cáo Ban kiểm soát đã thực hiện đầy đủ các chức năng nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát EVNI, một số kết quả cụ thể như sau:

- Hoàn thiện và ban hành Quy chế hoạt động của BKS.

- Trưởng BKS chủ trì cùng với các kiểm soát viên thực hiện kế hoạch hoạt động năm 2021, xây dựng và ban hành kế hoạch kiểm soát năm 2022.

- Trưởng Ban kiểm soát đã tham gia đầy đủ các cuộc họp định kỳ của HĐQT và các cuộc họp giao ban hàng tháng của Ban điều hành.

- Các kiểm soát viên tham gia các chương trình kiểm soát và các cuộc họp HĐQT

* Thống kê các chương trình làm việc của BKS, cuộc họp HĐQT các KSV đã tham gia

TT	Kiểm soát viên	Số chương trình kiểm soát tham gia	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự	Lý do không tham gia
1	Bà Đinh Hải Ninh	03/03	04	100%	
2	Bà Vũ Hương Trà	03/03	04	100%	
3	Bà Nguyễn Thị Huyền	02/3	04	85,7%	Phong tỏa do Dịch bệnh covid 19

- Từ ngày 01/01/2021 đến 31/12/2021, mặc dù tình hình dịch bệnh covid19 diễn biến phức tạp, toàn quốc thực hiện việc hạn chế di chuyển để phòng chống dịch từ tháng 4/2021 đến giữa tháng 10/2021 nhưng Ban kiểm soát đã thực hiện 02 cuộc kiểm soát trực tiếp tại đơn vị và kết hợp kiểm soát gián tiếp khi thực hiện giãn cách chống dịch.

- Trưởng Ban kiểm soát đã trao đổi với đơn vị kiểm toán độc lập về kết quả kiểm toán BCTC và đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty.

- BKS thường xuyên theo dõi, giám sát và cập nhật kịp thời danh sách cổ động lớn đồng thời rà soát giám sát việc ký kết các hợp đồng với người có liên quan theo đúng quy định của pháp luật.

- Các thành viên BKS (KSV) đã hoàn thành tốt chức trách nhiệm vụ được giao, cùng tham gia thảo luận và biểu quyết thống nhất, thông qua các vấn đề, nội dung thuộc chức năng nhiệm vụ của BKS.

4. Về sự phối hợp giữa Ban kiểm soát với HĐQT và Ban điều hành Công ty

Ban kiểm soát đã có sự phối hợp tốt với HĐQT và Ban Điều hành Công ty, cụ thể như sau:

- BKS đã được mời tham dự và tham gia ý kiến tại các cuộc họp của HĐQT,

các cuộc họp giao ban sản xuất định kỳ hàng tháng, họp kết luận kiểm toán BCTC năm 2021 của Công ty. Được tham gia ý kiến về tất cả các vấn đề liên quan đến công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban điều hành.

- BKS nhận được các tài liệu, thông tin theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty (về quyền được cung cấp thông tin của BKS): Các Phiếu lấy ý kiến, tờ trình HĐQT, các Biên bản họp, nghị quyết, quyết định của HĐQT Công ty, các báo cáo/thông tin liên quan đến hoạt động của Côngty đều được cung cấp cho BKS cùng thời điểm và theo phương thức như đối với HĐQT.

5. Kết quả giám sát hoạt động của HĐQT

- HĐQT đã tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2021, với các thủ tục có liên quan đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định của UBCK Nhà nước và các quy định tại Điều lệ Công ty, quy định về quản trị Doanh nghiệp.

- Năm 2021, HĐQT đã tổ chức 04 phiên họp định kỳ (1 quý/lần), tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản các thành viên HĐQT; ban hành 11 Nghị quyết và 12 Quyết định để Tổng Giám đốc và các thành viên Ban điều hành triển khai thực hiện nhiệm vụ SXKD 2021.

- Các cuộc họp HĐQT đã được triệu tập và thực hiện theo các trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ Công ty. Các phiên họp HĐQT đều mời Ban kiểm soát tham dự. Thông báo mời họp, hồ sơ, tài liệu đã được gửi đầy đủ đến các Thành viên HĐQT, BKS dự họp để tham khảo, nghiên cứu theo quy định. Các nội dung cuộc họp được các Thành viên HĐQT trao đổi, thảo luận, bàn bạc công khai, dân chủ, thẳng thắn và đánh giá đầy đủ, cẩn trọng để đưa ra những định hướng, giải pháp tốt nhất cho Công ty.

- Các quyết định của HĐQT tại các cuộc họp phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ Công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ và phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được thông qua. Biên bản các cuộc họp HĐQT đã được lập đầy đủ, có chữ ký của các Thành viên HĐQT tham gia dự họp, đảm bảo đúng hình thức theo quy định pháp luật

- Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát được thông tin đầy đủ thông qua văn bản, email hoặc điện thoại, kịp thời các hoạt động của Công ty.

- HĐQT đã điều hành linh hoạt, bám sát các hoạt động của Ban điều hành, cụ thể hoá triển khai có hiệu quả theo nội dung các nghị quyết đảm bảo lợi ích của Công ty và của các cổ đông. Trong năm 2021, HĐQT đã thảo luận và quyết định một số vấn đề quan trọng liên quan đến hoạt động của Công ty như sau:

+ Chi cổ tức cho các cổ đông năm 2020.

+ Điều chỉnh kế hoạch năm 2021 phù hợp với lợi nhuận từ Công ty Dự án Hạ Sê San 2

+ Bổ nhiệm PTGĐ Công ty (ông Lê Thanh Khoa)
+ Thống nhất tạm ứng cổ tức năm 2021 là 10% bằng tiền mặt
+ Ban hành Điều lệ tổ chức công ty
+ Ban hành Quy chế hoạt động của BKS
+ Ban hành QC nội bộ quản trị Công ty

+ Phê duyệt HS mời thầu qua mạng gói thầu sữa chữa tòa nhà EVNI

6. Giám sát hoạt động của Tổng giám đốc Công ty

Trong năm 2021, nhân sự Ban điều hành Công ty tiếp tục được củng cố. Tháng 11/2021 ông Lê Thanh Khoa đã được bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc Công ty.

Tổng giám đốc Công ty đã phối hợp với Ban điều hành Công ty đề ra những mục tiêu và các giải pháp trọng tâm để thực hiện kế hoạch năm 2021 đảm bảo hoạt động kinh doanh, TVGS an toàn và kinh tế; Sử dụng linh hoạt các nguồn vốn của Công ty trên nguyên tắc bảo toàn và hiệu quả, cụ thể:

Công tác Quản lý dự án:

- Dự án thủy điện Hạ Sê San 2: EVNI đã nhận cổ tức từ HLSS2 phân phối lợi nhuận trong năm 2021 tổng cộng 8,3 triệu USD cổ tức (trước thuế) bao gồm: đợt 1: 4,5 triệu, và đợt 2: 3,8 triệu USD (đạt vượt 84% kế hoạch ĐHĐCĐ). Giá trị lũy kế cổ tức nhận được từ dự án là 213 tỷ (sau thuế) đạt 92% giá trị đầu tư vào dự án.

- Dự án thủy điện Hạ Sê San 1/Se San 5; Sê Kông và Nậm Mô 1: Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị Công ty từ năm 2013 đến nay, EVNI đã tích cực thực hiện tìm kiếm các đối tác thích hợp để chuyển giao dự án hoặc góp vốn đầu tư theo hình thức tương tự như Dự án thủy điện Hạ Sê San 2 đối với các dự án thủy điện Sê Kông và dự án thủy điện Nậm Mô 1. Tuy nhiên, đến nay các nhà đầu tư chưa thực sự quan tâm do: (i) Dự án đã hết hiệu lực MOU; (ii) Đặc điểm vị trí địa lý của dự án, tình hình chính trị, sự tác động của dự án đến môi trường và đầu ra giá bán điện của dự án chưa thuyết phục để hợp tác đầu tư hoặc chuyển giao dự án. Đến thời điểm 31/12/2021 Công ty vẫn đang tiếp tục tìm kiếm các nhà đầu tư, đối tác để chuyển giao các dự án này.

Công tác Tư vấn giám sát: Trong năm 2021, EVNI thực hiện 40 hợp đồng TVGS với tổng giá trị 48,75 tỷ đồng. Trong đó đến 31/12/2021 đã đóng điện, hoàn thành nghiệm thu thanh toán hơn 20 dự án với doanh thu 17,56 tỷ đồng đạt 101% kế hoạch năm 2021. Lợi nhuận năm 2021 đạt được là 4.572 triệu đồng.

Đối với các gói thầu đã hoàn thành, Công ty đã chủ động, tích cực phối hợp cùng các Chủ đầu tư hoàn thành công tác quyết toán giá trị khối lượng đã thực hiện, đáp ứng quy định của hợp đồng và nhằm tăng hiệu quả sử dụng vốn

Công tác quản trị, văn phòng: duy trì mô hình tổ chức với cơ cấu linh hoạt, gọn nhẹ với 03 Phòng chức năng với biên chế nhân sự 33 người;

Công tác tài chính: Công tác lập, kiểm toán và công bố các báo cáo tài chính quý, 6 tháng, năm được thực hiện theo đúng quy định.

Công ty quản lý và cân đối dòng tiền đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như chi trả cổ tức cho các cổ đông,

Về công tác triển khai các kiến nghị của Ban kiểm soát: Ban Tổng giám đốc Công ty đã nghiêm túc tiếp thu và triển khai các kiến nghị của BKS Công ty.

Kết quả sản xuất kinh doanh của đơn vị:

Hoạt động năm 2021 trên cơ sở kế hoạch doanh thu, chi phí đã được ĐHĐCĐ thông qua, bảo toàn vốn cổ đông và lợi nhuận để lại, các chỉ tiêu kế hoạch và kế

hoạch điều chỉnh năm 2021 đã được hoàn thành. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2021:

- Tổng doanh thu trên 216 tỷ đồng, đạt 172% kế hoạch điều chỉnh
- Lợi nhuận sau thuế TNDN trên 169 tỷ đồng, đạt 186% kế hoạch điều chỉnh;
- Nộp ngân sách nhà nước 1,77 tỷ đồng

ĐVT: triệu đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch * năm 2021	Thực hiện năm 2021	% Thực hiện/ KH 2021
A	**Doanh thu**	**126.058**	**216.829**	**172%**
1	Doanh thu TVGS	17.463	*17.647*	101,06%
2	Doanh thu cho thuê Văn phòng	*970*	*937*	96,63%
3	Doanh thu tài chính từ lãi tiền gửi	*4.485*	*7.386*	164,66%
4	Doanh thu từ cổ tức dự án thủy điện Hạ Sê San 2	*103.140*	*190.859*	185,05%
5	Thu nhập khác			
B	**Tổng chi phí**	**34.824**	**46.337**	**185%**
6	Giá vốn hoạt động dịch vụ TVGS	12.922	13.040	101%
7	Giá vốn cho thuê văn phòng	416	400	96%
8	Chi phí hoạt động duy trì và QLDA của Công ty	7.045	6.606	113%
9	Phí chuyển tiền từ HSS2 về Việt Nam	14.440	26.690	185%
C	**Đầu tư mua sắm và sửa chữa lớn trụ sở**	**2.069**	1.622	**78,3%**
10	Chi phí sửa chữa lớn trụ sở	1.819	1.408	
11	Chi mua sắm (HT hội nghị truyền hình)	250	214	
C	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (A)-(B)**	**91.234**	**170.492**	**187%**
12	Thuế suất thuế TNDN		20%	
D	**Thuế TNDN phải nộp (11)=(C) *(10)**		**1.470**	
E	**Lợi nhuận kế toán sau thuế (C)-(D)**	**90.727**	**169.022**	**186%**

** Ghi chú: Kế hoạch năm 2021 là kế hoạch đã được điều chỉnh*

III. THẨM TRA BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2021 SAU KIỂM TOÁN CỦA CÔNG TY

Ban kiểm soát nhận thấy: Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty cổ phần EVN Quốc Tế tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

- **Ý kiến ngoại trừ:** Không có

- **Vấn đề cần nhấn mạnh:** *Như đã trình bày tại điểm (2), (3), và (4) của thuyết minh số 30, biên bản ghi nhớ về nghiên cứu khả thi của dự án thủy điện Sê Kông, thủy điện Hạ Sê San1/Sê San 5 tại Vương quốc Campuchia và dự án thủy điện Nậm Mô 1 tại nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào không tiếp tục được gia hạn/đã hết hiệu lực. Tổng giá trị đầu tư thực tế của các dự án tính đến thời điểm 31/12/2021 là 40.266.466.962 đồng, hiện phản ánh tại khoản mục"chi phí xây dựng cơ bản dở danh" (trong đó: Dự án thủy điện Sê Kông là 8.755.911.108 đồng; Dự án thủy điện Hạ Sê san 1/Sê San 5 là 24.258.325.211 đồng; Dự án Thủy điện Nậm mô 1 là 7.197.230.643 đồng.* Chủ tịch HĐQT và Ban Tổng giám đốc Công ty đánh giá rằng rủi ro tổn thấy đối với các chi phí đầu tư của 03 dự án nêu trên là không chắc chắn; Công ty có khả năng tìm được đối tác thích hợp để hợp tác, chuyển giao các dự án và thu được lợi ích kinh tế trong tương lai, thu hồi các chi phí đã đầu tư, thu được hiệu quả kinh tế.

Ý kiến kiểm toán không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này

Một số chỉ tiêu trên báo cáo tài chính:

TT	Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Tăng/giảm	
				Mức	Tỷ lệ
	1	3	4	5 = 3-4	6 = 3/4
1	Tài sản ngắn hạn	245,610,146,987	122.643.539.939	122,966,607,048	100,26%
2	Tài sản dài hạn	316,094,210,827	316.190.301.639	- 96,090,812	-0,03%
3	Nợ phải trả	47,059,121,688	16.935.933.275	30,123,188,413	177,87%
4	Vốn chủ sở hữu	514,645,236,116	421.897.908.303	92,747,327,813	21,98%
5	Tổng tài sản/Nguồn vốn	561,704,357,804	438.833.841.578	122,870,516,226	27.99%

Tổng tải sản, tổng nguồn vốn của Công ty năm 2021 là 561,7 tỷ đồng, tăng 122,87 tỷ đồng tương đương tăng 27.99% so với năm 2020, chủ yếu là công ty ghi nhận lợi nhuận từ cổ tức bằng tiền dự án Hạ sesan 2 và lợi nhuận từ hoạt động TVGS.

Tài sản ngắn hạn năm 2021 tăng 122,96 tỷ tương đương tăng 100,26% chủ yếu là do các khoản đầu tư tài chính (tăng 99,46 tỷ) và tiền, các khoản tương đương tiền tăng 25,7 tỷ.

Các khoản phải thu khách hàng giảm trên 2 tỷ so với đầu năm (tương đương 17,29%).

Nợ phải trả tăng mạnh, tăng trên 30 tỷ (tăng 177,87%) chủ yếu do cổ tức phải trả cổ đông (riêng khoản nợ này tăng trên 38 tỷ so với đầu năm)

Hệ số phân tích tài chính

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2021	31/12/2020	Tăng/giảm
1	**Cơ cấu tài sản**				
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	56,27	72,05	-15,78
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	43,73	27,95	15,78

2	**Cơ cấu nguồn vốn**				
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	Lần	0,0838	0,0386	0,0452
	- Nguồn vốn CSH/Tổng NV	%	91,62	96,14	-4,52
	- Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,0914	0,0401	0,0513
3	**Khả năng thanh toán**				
	- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	5,17	7,02	-1,86
	- Khả năng thanh toán nợ đến hạn	Lần	5,22	7,27	2,05
	- Khả năng thanh toán tổng quát	Lần	11,94	25,91	-13,98
4	**Hiệu quả**				
	- Tỷ suất LNST/Tổng tài sản ROA:	%	26,5	12,8	13,6
	- Tỷ suất LNST/Doanh thu ROS	%	77,95	69,70	8,2
	- Tỷ suất LNST/Vốn CSH (ROE)	%	36,1	13,5	22,6
	- Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	Đồng	4.608	1.393	3.215

Nhận xét:

Qua số liệu tính toán ở trên cho thấy trong năm 2021, các chỉ tiêu về tài chính của Công ty vượt trội theo hướng tích cực so với năm 2020, cụ thể:

- Các chỉ số ROA, ROS, ROE rất cao (trên 20%) do Công ty nhận 8,3 triệu usd lợi nhuận (trước thuế chuyển tiền từ Campuchia về Việt Nam) từ Công ty TNHH Hạ Sê San 2 và do Công ty tiếp tục tăng trưởng lợi nhuận từ hoạt động TVGS.

- Nhóm các chỉ tiêu về khả năng thanh toán của Công ty đều rất cao, hệ số khả năng thanh toán nhanh năm 2021 tuy giảm so với năm 2020 nhưng vẫn đạt 5,17 lần, chứng tỏ tình hình tài chính của công ty rất tốt.

IV. Phương hướng hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022

Ban kiểm soát tiếp tục duy trì và tăng cường công tác kiểm soát định kỳ hoạt động SXKD, TVGS, công tác quản lý và điều hành của HĐQT và Ban Tổng giám đốc Công ty.

- Tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, các cuộc họp giao ban hàng tháng của Ban điều hành để nắm bắt tình hình hoạt động của Công ty.

- Giám sát HĐQT, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty.

- Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý và điều hành của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty.

- Giám sát kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022

- Giám sát hoạt động công bố thông tin của Công ty.

- Cập nhật chính sách, chế độ mới nhằm kiến nghị sửa đổi, bổ sung những vấn đề còn chưa phù hợp, giảm thiểu rủi ro trong điều hành, quản lý hoạt động của Công ty.

(Chi tiết trong Kế hoạch hoạt động năm 2022 đính kèm)

V. Kiến nghị

Trên cơ sở giám sát hoạt động kinh doanh, công tác quản trị, điều hành của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc. Số liệu báo cáo tài chính, Ban kiểm soát kiến nghị Đại hội đồng cổ đông:

-Thông qua Báo cáo của HĐQT đánh giá thực trạng kết quả SXKD năm 2021, Kế hoạch năm 2022 và tình hình hoạt động của HĐQT năm 2021 phương hướng nhiệm vụ năm 2022;

- Thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC;

- Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về Kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của HĐQT, Tổng giám đốc và Kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên Công ty năm 2021 cũng như phương hướng nhiệm vụ năm 2022.

Ban kiểm soát Công ty cổ phần EVN Quốc tế kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Đinh Hải Ninh

Nơi nhận:
- Như trên;
- TV HĐQT; KSV;
- Ban TGĐ Cty;
- Lưu VT, VP.HĐQT.

CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ
BAN KIỂM SOÁT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨ VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc
----------o0o----------

Đà Nẵng, ngày 23 tháng 3 năm 2022

TỜ TRÌNH

(V/v: lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty cổ phần EVN Quốc tế)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 Công ty cổ phần EVNI

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần EVN Quốc tế;
- Chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần EVN quốc tế.
- Tình tình thực tế.

Để thực hiện việc kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2022 (bán niên và thường niên) của Công ty cổ phần EVN Quốc tế theo quy định của Bộ tài chính và Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông quy trình lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán và soát xét các BCTC trong năm 2022 như sau:

1. Tiêu chí lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập:

- Chọn đơn vị có uy tín, được phép hoạt động tại Việt Nam, được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp nhận thực hiện kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán;
- Có mức phí kiểm toán phù hợp với nội dung và tiến độ Công ty cổ phần EVN Quốc tế yêu cầu;
- Là công ty có kinh nghiệm kiểm toán BCTC trong lĩnh vực thủy điện;
- Ưu tiên các đơn vị đã thực hiện kiểm toán cho Công ty cổ phần EVN Quốc tế trong các đợt kiểm toán năm trước.

2. Lựa chọn các Công ty kiểm toán độc lập:

Công ty đã tiến hành thông báo mời chào giá kiểm toán đến 04 công ty kiểm toán. Tính đến 8h ngày 15/3//2022, Công ty nhận được Hồ sơ, báo giá của 03 đơn vị là Công ty TNHH kiểm toán và kế toán AAC, Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn Chuẩn Việt và Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC. Vào hồi 15h10' ngày 22/3/2022, Ban kiểm soát đã tiến hành mở niêm phong hồ sơ báo giá của 03 Công ty (có Biên bản mở báo giá kèm theo), kết quả như sau:

- Công ty TNHH kiểm toán và kế toán AAC thông báo giá 65.000.000 đồng

- Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn Chuẩn Việt thông báo giá 70.000.000 đồng
- TNHH Hãng kiểm toán AASC thông báo giá 80.000.000 đồng
(tất cả các giá chào trên chưa bao gồm thuế VAT)

Căn cứ các các tiêu chí lựa chọn trên đây và thông báo giá của 03 Công ty, BKS đề xuất tiếp tục lựa chọn Công ty kiểm toán và kế toán AAC làm đơn vị kiểm toán các BCTC bán niên và thường niên trong năm 2022 với mức phí là 65.000.000đ chưa bao gồm thuế GTGT.

Trân trọng kính trình ĐHĐCĐ xem xét và phê duyệt./.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Đinh Hải Ninh

CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 17/TTr - HĐQT	*Đà Nẵng, ngày 30 tháng 05 năm 2022*

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát năm 2021 và kế hoạch thù lao HĐQT, BKS năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần EVN Quốc tế.

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần EVN Quốc tế (EVNI);

Căn cứ Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội v/v Hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước;

Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần EVN Quốc tế kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua Quyết toán thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát năm 2021 và kế hoạch thù lao HĐQT, BKS năm 2022 với các nội dung như sau:

I. Quyết toán thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát năm 2021:

Năm 2021, EVNI đã hoàn thành vượt kế hoạch SXKD do Đại hội đồng cổ đông giao, lợi nhuận thực hiện đạt 187% kế hoạch điều chỉnh theo Nghị quyết số 39/NQ-HĐQT ngày 15/11/2021 của HĐQT EVNI và đạt 325% kế hoạch theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/06/2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 EVNI. Cụ thể như sau:

+ Tổng doanh thu:	216,828 tỷ đồng	đạt 172% kế hoạch
+ Nộp ngân sách nhà nước:	1,764 tỷ đồng	
+ Lợi nhuận:	170,491 tỷ đồng,	đạt 186,8% kế hoạch
+ Tỷ lệ cổ tức:	46%	đạt 460% kế hoạch

Căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 15 Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH: "Công ty hoàn thành kế hoạch sản xuất, kinh doanh và lợi nhuận thực hiện vượt kế hoạch thì cứ 1% lợi nhuận thực hiện vượt lợi nhuận kế hoạch, mức tiền lương bình quân thực hiện được tính thêm tối đa bằng 2%, nhưng không quá 20% so với mức tiền lương bình quân kế hoạch".

Do đó, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông quyết toán mức thù lao HĐQT và BKS năm 2021 như sau:

TT	Chức vụ	Số lượng	Thù lao tháng (đồng)	Số tháng	Thù lao KH năm 2021 (đồng)	Quyết toán thù lao năm 2021 (đồng)
1	Ủy viên HĐQT *(kiêm nhiệm)*	3	5.400.000	12	194.400.000	**232.243.000**
2	Trưởng Ban Kiểm soát	1	5.400.000	12	64.800.000	**77.414.000**
3	Thành viên Ban Kiểm soát	2	4.320.000	12	103.680.000	**123.863.000**
	Tổng cộng:				**362.880.000**	**433.520.000**

(CT HĐQT chuyên trách, UV HĐQT kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc không hưởng thù lao).

II. Kế hoạch thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát năm 2022:

Căn cứ vào mục tiêu, nhiệm vụ và kế hoạch doanh thu, lợi nhuận của Công ty năm 2022, kế hoạch thù lao HĐQT và BKS năm 2022 được xây dựng như sau:

STT	Chức vụ	Số lượng	Thù lao tháng (đồng)	Số tháng	Thù lao năm 2022 (đồng)
1	Ủy viên HĐQT *(kiêm nhiệm)*	3	7.700.000	12	277.200.000
2	Trưởng Ban kiểm soát *(kiêm nhiệm)*	1	7.700.000	12	92.400.000
3	Kiểm soát viên *(kiêm nhiệm)*	2	6.200.000	12	148.800.000
	Tổng cộng	**6**			**518.400.000**

(CT HĐQT chuyên trách, Ủy viên HĐQT kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc không hưởng thù lao HĐQT).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Các thành viên HĐQT; BKS;
- Lưu TH, Thư ký Công ty.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ

Trương Quang Minh

CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 19/TTr - HĐQT	*Đà Nẵng, ngày 30 tháng 05 năm 2022*

TỜ TRÌNH
V/v phê duyệt kế hoạch năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần EVN Quốc tế.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số QH 59/2020/QH14 được Quốc hội khóa 14 thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần EVN Quốc tế;

Để có cơ sở thực hiện yêu cầu nhiệm vụ công tác năm 2022, Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần EVN Quốc tế kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua kế hoạch năm 2022 với các chỉ tiêu chính như sau:

1. Các chỉ tiêu SXKD và ĐTXD năm 2022:

STT	Chỉ tiêu	Giá trị (đồng)
1	**Tổng doanh thu**	**144.726.000.000**
1.1	Doanh thu hoạt động trực tiếp từ Công ty	22.076.000.000
1.2	Doanh thu từ Dự án Thủy điện Hạ Sê San 2	122.650.000.000
2	**Chí phí**	**37.622.520.000**
3	**Lợi nhuận trước thuế/Tỷ lệ chia cổ tức**	
	- Lợi nhuận trước thuế	107.103.480.000
	- Tỷ lệ chia cổ tức	20%

(Chi tiết theo Thuyết minh kế hoạch năm 2022 đính kèm)

2. Tổ chức thực hiện:

* Giao Ban điều hành làm việc và đề nghị Công ty TNHH Thủy điện Hạ Sê San 2 thực hiện phân chia lợi nhuận năm 2021 trong năm 2022.

Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức năm 2022 được tính trên cơ sở nguồn thu cổ tức từ dự án thủy điện Hạ Sê San 2 (122,65 tỷ đồng tương ứng 5,5 triệu USD). Trong trường hợp cổ tức chi trả từ dự án thủy điện Hạ Sê San 2 thay đổi so với giá trị dự kiến trong kế hoạch năm 2022, HĐQT xem xét quyết định điều chỉnh kế hoạch năm 2022 tương ứng.

* Ban điều hành quản lý hoạt động của Công ty theo nguyên tắc hiệu quả, đạt hoặc vượt kế hoạch đề ra, bảo toàn vốn cổ đông và lợi nhuận để lại;

* Ban Điều hành Công ty tiếp tục tìm kiếm đối tác thích hợp để hợp tác phát triển hoặc chuyển giao các dự án thủy điện: Hạ Sê San1/Sê San 5; Sê Kông và Nậm Mô 1;

* Đối với công tác tư vấn:

- Ban điều hành chủ động thực hiện:

+ Tìm kiếm công việc phù hợp năng lực hiện tại của Công ty đảm bảo công việc ổn định, lâu dài, tạo công ăn việc làm cho CBCNV và tăng nguồn thu;

+ Thực hiện các giải pháp để đáp ứng nhu cầu nhân sự gia tăng đột ngột về nhu cầu sử dụng lao động trong thời gian ngắn cho các gói thầu Tư vấn như ký Hợp đồng thuê chuyên gia, Hợp đồng thầu phụ…;

+ Lập, phê duyệt dự toán các gói thầu Tư vấn theo quy định để kiểm soát chi phí với chủ trương tiết kiệm, đảm bảo lợi nhuận của hoạt động Tư vấn đạt hoặc vượt kế hoạch.

- Trường hợp doanh thu thực hiện tăng/giảm so với kế hoạch, các khoản mục chi phí sẽ được điều chỉnh tăng/giảm tương ứng.

* Về kế hoạch SXKD hàng năm:

Ủy quyền HĐQT tạm phê duyệt kế hoạch SXKD hàng năm và báo cáo ĐHĐCĐ thường niên hoặc ĐHĐCĐ gần nhất để thông qua.

Hội đồng quản trị kính trình Đại Hội đồng cổ đông xem xét thông qua kế hoạch năm 2022 của Công ty.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- HĐQT, Ban kiểm soát;
- Lưu TH, Thư ký Công ty.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ

Trương Quang Minh

EVNINTERNATIONAL

CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ
Địa chỉ: Lô 91, Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.
Điện thoại: 0236.6255656 Fax: 0236.3633.991
Website: www.evni.vn

THUYẾT MINH
KẾ HOẠCH NĂM 2022

CHỦ TỊCH HĐQT

M.S.D.N: 0102379203 - C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ Q. CẨM LỆ - TP. ĐÀ NẴNG

Trương Quang Minh

Đà Nẵng, tháng 05/2022

THUYẾT MINH KẾ HOẠCH NĂM 2022

Phát huy kết quả đạt được trong năm 2021, với mục tiêu trọng tâm trong năm 2022 là theo dõi và quản lý các dự án đã đầu tư đảm bảo bảo toàn vốn của cổ đông; tìm kiếm việc làm đảm bảo công ăn việc làm, tăng thu nhập, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho Người lao động Công ty. Công ty cổ phần EVN Quốc tế xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 với các mục tiêu cụ thể như sau:

1. Thực hiện giám sát và quản lý phần vốn góp vào Công ty TNHH thủy điện Hạ Sê San 2 (HLSS2), trong đó phối hợp với các Cổ đông khác, đôn đốc Công ty TNHH thủy điện Hạ Sê San 2 thực hiện phân chia lợi nhuận năm 2021 theo kế hoạch 5 năm giai đoạn 2019 – 2024 của HLSS2.
2. Làm việc với các đối tác về việc chuyển giao hoặc tham gia góp vốn đầu tư đối với các dự án thủy điện Công ty đã triển khai nghiên cứu tại Campuchia và Lào.
3. Tăng cường công tác tìm kiếm việc làm phù với năng lực, kinh nghiệm của Công ty, đảm bảo công ăn việc làm, tăng thu nhập, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho Người lao động.
4. Tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo mô hình gọn nhẹ, linh hoạt và sắp xếp, bố trí nhân sự phù hợp đáp ứng yêu cầu quản lý của Công ty trên cơ sở nhiệm vụ công tác năm 2022 nhằm tối ưu hóa chi phí.
5. Tổ chức thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2022.

I. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022

1. Về công tác quản lý dự án

*** Đối với dự án Thủy điện Hạ Sê San 2**

- Tiếp tục thực hiện giám sát và quản lý phần vốn góp vào Công ty TNHH thủy điện Hạ Sê San 2 (HLSS2) trên cơ sở pháp luật Campuchia, Hợp đồng cổ đông và theo nguyên tắc bảo toàn phần vốn đã góp;

- Phối hợp với các Cổ đông khác, đôn đốc Công ty TNHH thủy điện Hạ Sê San 2 thực hiện phân chia lợi nhuận năm 2021 theo kế hoạch 5 năm giai đoạn 2019 – 2024 của HLSS2;

- Theo dõi tình hình SXKD của dự án, đôn đốc HLSS2 thực hiện các nội dung Nghị quyết của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông;

- Hoàn thiện các thủ tục hồ sơ liên quan theo quy định của Luật thuế để được khấu trừ thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập (cổ tức) được nhận từ dự án đầu tư ra nước ngoài (dự án thủy điện Hạ Sê San 2).

*** Đối với các dự án thủy điện như Hạ Sê San 1/Sê San 5; Sê Kông và Nậm Mô 1:**

- Tiếp tục thực hiện các giải pháp để chuyển giao dự án hoặc tham gia góp vốn đầu tư tương tự dự án Hạ Sê San 2, cụ thể:

+ Có ý kiến bằng văn bản đến Chính phủ Campuchia/Lào về việc trong trường hợp Chính phủ Campuchia/Lào chuyển giao dự án cho đối tác khác thì EVNI được thu hồi các chi phí đã thực hiện cho dự án hoặc tham gia góp vốn trong dự án tương tự như dự án thủy điện Hạ Sê San 2;

+ Phối hợp chặt chẽ với Hiệp hội các Nhà đầu tư Việt Nam sang Campuchia (AVIC), Hiệp hội các Nhà đầu tư Việt Nam sang Lào (AVIL) để thông qua Hiệp hội, giới thiệu các dự án của EVNI cho các Nhà đầu tư trong và ngoài nước;

+ Làm việc, kiến nghị với Bộ kế hoạch và đầu tư Việt Nam trong việc hỗ trợ các thủ tục duy trì hiệu lực pháp lý của các dự án, cũng như thông tin đến các Nhà đầu tư về các dự án của EVNI;

+ Thường xuyên liên hệ với Nhà đầu tư trong và ngoài nước để giới thiệu các dự án của EVNI cho các Nhà đầu tư để chuyển giao dự án hoặc tham gia góp vốn đầu tư.

- Trình HĐQT/ĐHĐCĐ thông qua chủ trương dừng triển khai dự án sau khi có ý kiến chỉ đạo của cấp có thẩm quyền.

2. Về đầu tư phát triển:

- Nghiên cứu, tìm kiếm các dự án nguồn điện phù hợp để đề xuất chủ trương đầu tư sau khi Chính phủ phê duyệt Quy hoạch điện VIII;

- Xây dựng kế hoạch, chiến lược, phương hướng phát triển công ty trình HĐQT thông qua trình ĐHĐCĐ năm 2023.

3. Công tác Tư vấn giám sát:

- Chủ động tìm kiếm công việc đảm bảo duy trì hoạt động và tăng nguồn thu; tiếp tục mở rộng công tác TVGS đối với các dự án năng lượng tái tạo;

- Nghiệm thu thanh toán và quyết toán kịp thời các gói thầu hoàn thành, đáp ứng quy định của hợp đồng để tăng hiệu quả sử dụng vốn;

- Hoàn thiện chứng chỉ năng lực hoạt động cho tổ chức, đủ điều kiện giám sát công trình công nghiệp hạng I;

- Nâng cao năng lực, kinh nghiệm cho độ ngũ chuyên gia Tư vấn; tổ chức thực hiện dịch vụ Tư vấn chuyên nghiệp hóa, bảo đảm các dự án thực hiện đúng tiến độ, chất lượng, an toàn và hiệu quả;

- Thực hiện công tác đấu thầu TVGS đạt doanh thu năm 2022 là 13,11 tỷ đồng.

4. Công tác khác

- Xây dựng, hoàn thiện hệ thống quy chế quản lý nội bộ phù hợp với tình hình SXKD trong giai đoạn mới của Công ty;

- Hoàn thành công tác tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên EVNI năm 2022;

- Duy trì dịch vụ cho thuê đất và văn phòng tại Trụ sở làm việc của Công ty;

- Công tác an sinh xã hội: Quan tâm, tạo điều kiện thực hiện tốt công tác an

sinh xã hội;

- Thực hiện công tác chuyển đổi số đối với các lĩnh vực: Quản trị nội bộ; Đào tạo và truyền thông; phù hợp các chỉ tiêu kế hoạch SXKD của Công ty;

- Về mô hình tổ chức và chi phí hoạt động:

+ Tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo mô hình gọn nhẹ, linh hoạt và sắp xếp, bố trí nhân sự phù hợp đáp ứng yêu cầu quản lý của Công ty trên cơ sở nhiệm vụ công tác năm 2022 nhằm tối ưu hóa chi phí;

+ Chú trọng công tác tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

II. Giải pháp thực hiện:

1. Về công tác quản trị:

- Tiếp tục duy trì mô hình tổ chức với cơ cấu linh hoạt, gọn nhẹ với 03 Phòng chức năng với biên chế nhân sự hợp lý; phát triển ngày càng tốt hơn văn hóa doanh nghiệp; đẩy mạnh việc hình thành, phát triển mối quan hệ và tạo dựng niềm tin của các đối tác kinh doanh;

- Tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp lãnh đạo; nâng cao hiệu quả quản lý điều hành, thực hiện tốt quy chế dân chủ, xây dựng văn hóa doanh nghiệp;

- Nâng cao ý thức chấp hành pháp luật và nghiêm túc thực hiện các nội quy, quy chế của đơn vị;

- Nâng cao hiệu quả quản lý, cân đối tài chính phù hợp, bảo toàn và phát triển vốn, thực hành tiết kiệm chống lãng phí;

- Tiếp tục rà soát, hệ thống hóa, sửa đổi, bổ sung theo hướng tinh gọn các quy chế quản lý nội bộ phù hợp quy định hiện hành của pháp luật;

- Thiết lập và thực hiện tốt mối liên hệ với các cổ đông; thực hiện công bố thông tin kịp thời, trung thực và đúng quy định.

2. Giải pháp về quản lý dự án:

- Đối với dự án Hạ Sê San 2:

+ Phối hợp có hiệu quả với các Cổ đông khác, đôn đốc Công ty TNHH thủy điện Hạ Sê San 2 thực hiện phân chia lợi nhuận năm 2021 trong năm 2022;

+ Theo dõi tình hình SXKD của dự án, đôn đốc HLSS2 thực hiện các nội dung Nghị quyết của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông.

- Đối với 3 dự án Hạ Sê San 1/5, Sê Kông và Nậm Mô 1: Tăng cường và thường xuyên liên hệ với Đại sứ quán Việt Nam tại Campuchia/Lào, Bộ kế hoạch và đầu tư Việt Nam hỗ trợ Công ty các thủ tục duy trì hiệu lực pháp lý của các dự án, giới thiệu các dự án của EVNI cho các Nhà đầu tư trong và ngoài nước. Đồng thời phối hợp chặt chẽ với Hiệp hội các Nhà đầu tư Việt Nam sang Campuchia (AVIC)/Lào (AVIL) để giới thiệu các dự án của EVNI cho các Nhà đầu tư trong và ngoài nước.

3. Giải pháp về công tác Tư vấn:

- Tìm kiếm công việc phù hợp năng lực hiện tại của Công ty đảm bảo công việc ổn định, lâu dài, tạo công ăn việc làm cho CBCNV và tăng nguồn thu;

- Thực hiện các giải pháp để đáp ứng nhu cầu nhân sự gia tăng đột ngột về nhu cầu sử dụng lao động trong thời gian ngắn cho các gói thầu Tư vấn như ký Hợp đồng thuê chuyên gia, Hợp đồng thầu phụ…;

- Lập, phê duyệt dự toán các gói thầu Tư vấn theo quy định để kiểm soát chi phí với chủ trương tiết kiệm, đảm bảo lợi nhuận của hoạt động Tư vấn đạt hoặc vượt kế hoạch.

- Tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành, kiểm soát công tác Tư vấn để nâng cao hơn nữa chất lượng dịch vụ Tư vấn;

- Hoàn thiện chứng chỉ năng lực hoạt động cho tổ chức: Chứng chỉ giám sát công trình công nghiệp hạng I và chứng chỉ giám sát PCCC;

- Nâng cao năng lực, kinh nghiệm cho độ ngũ chuyên gia Tư vấn; tổ chức thực hiện dịch vụ Tư vấn chuyên nghiệp hóa, bảo đảm các dự án thực hiện đúng tiến độ, chất lượng, an toàn và hiệu quả;

- Tiếp tục mở rộng thị trường dịch vụ Tư vấn, đặc biệt là công tác Tư vấn cho các dự án Năng lượng tái tạo.

4. Giải pháp về tài chính:

- Tăng cường thực hiện các giải pháp quản trị, kiểm soát chi phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh;

- Công tác tài chính: 100% thực hiện thanh toán trên hệ thống, tiết kiệm thời gian và chi phí;

- Công tác thanh quyết toán: Đối với các gói thầu đã hoàn thành, Công ty đã chủ động, tích cực phối hợp cùng các Chủ đầu tư hoàn thành công tác quyết toán giá trị khối lượng đã thực hiện, đáp ứng quy định của hợp đồng và nhằm tăng hiệu quả sử dụng vốn;

- Tăng cường công tác quản trị dòng tiền, cân đối vốn lưu động theo năm/tháng/tuần và theo dõi sát sao tình hình thực hiện; đảm bảo dòng tiền luôn tối ưu, hiệu quả và cân đối vốn trong hoạt động sản xuất kinh doanh; cân đối dòng tiền nhàn rỗi để gửi tiết kiệm có kỳ hạn và lãi suất phù hợp để nâng cao hiệu quả doanh thu từ hoạt động tài chính.

5. Giải pháp về ứng dụng KHCN và quản trị nguồn nhân lực:

- Áp dụng công nghệ tiên tiến trong quản lý và sản xuất kinh doanh, tăng năng suất lao động, đảm bảo kinh doanh có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn;

- Nâng cao công tác an toàn thông tin bằng cách triển khai trang bị các phần mềm ứng dụng có bản quyền nhằm giảm thiểu nguy cơ mất an toàn thông tin;

- Phát triển nguồn nhân lực, nâng cao chất lượng công tác đào tạo, thực hiện

chính sách thu hút nhân tài;

- Thường xuyên xây dựng, cải tiến văn hóa doanh nghiệp; xây dựng đội ngũ có tác phong công tác chuyên nghiệp và nâng cao chất lượng dịch vụ, tạo dựng niềm tin đối với các đối tác, khách hàng.

6. Giải pháp công tác cho thuê văn phòng tại Trụ sở Công ty:

Tiếp tục tìm kiếm đối tác thuê văn phòng phù hợp để cho cho thuê, đảm bảo công suất cho thuê văn phòng có hiệu quả.

III. Kế hoạch doanh thu và chi phí:

Bảng tổng hợp kế hoạch năm 2022:

TT	NỘI DUNG	Đơn vị/tỷ lệ	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2021	Ghi chú
A	**Kế hoạch nguồn thu**		**144.726.000.000**	**216.828.793.550**	
A1	**Doanh thu hoạt động trực tiếp từ Công ty**		***22.076.000.000***	***25.969.838.599***	
I	**Doanh thu từ hoạt động đầu tư, tài chính, cho thuê đất và văn phòng Công ty**	**đồng**	8.963.000.000	8.322.876.800	
1	*Doanh thu từ hoạt động tài chính*	*đồng*	*8.223.000.000*	*7.385.523.741*	
2	*Doanh thu từ cho thuê đất và văn phòng của Công ty*	*đồng*	*740.000.000*	*937.353.059*	
II	**Doanh thu từ hoạt động Tư vấn (QLDA, Giám sát…)**	***đồng***	*13.113.000.000*	*17.646.961.799*	**Phụ lục 1**
A2	**Doanh thu từ Dự án Thủy điện Hạ Sê San 2**	***đồng***	***122.650.000.000***	***190.858.954.951***	
	Cổ tức thu được từ dự án thủy điện Hạ Sê San 2		*122.650.000.000*	*190.858.954.951*	
B	**Kế hoạch chi phí hoạt động**		***37.622.520.000***	**46.337.236.784**	
B.1	Chi phí hoạt động, duy trì và quản lý dự án các dự án của Công ty	đồng	***9.908.520.000***	***6.606.281.727***	
1	*Chi phí hoạt động, duy trì và QLDA các dự án của Công ty*	*đồng*	*9.488.520.000*	*6.206.553.269*	
2	*Chi phí khấu hao nhà làm việc/văn phòng cho thuê*	*đồng*	*420.000.000*	*399.728.458*	Phụ lục 2
B.2	Chí phí hoạt động cho công tác Tư vấn (QLDA, Giám sát…)	*đồng*	***10.490.000.000***	***13.040.170.057***	
B3	Phí chuyển tiền cổ tức HSS2 về Việt Nam	*đồng*	***17.224.000.000***	***26.690.785.000***	
C	**Kế hoạch chi ĐT mua sắm và sửa chữa lớn Trụ sở làm việc EVNI**			***1.621.765.153***	
C.1	Chi sửa chữa lớn	đồng		***1.407.815.153***	
-	Chi sửa chữa lớn Trụ sở làm việc	*đồng*		*1.407.815.153*	
C.2	Đầu tư mua sắm	đồng		***213.950.000***	
-	Hệ thống Truyền hình hội nghị	*đồng*		*213.950.000*	

TT	NỘI DUNG	Đơn vị/tỷ lệ	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2021	Ghi chú
D	**Lợi nhuận**				
1	Lợi nhuận trước thuế	đồng	107.103.480.000	170.491.556.766	
2	Lợi nhuận sau thuế	đồng	106.712.544.000	169.021.636.813	
3	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	*đồng/ CP*	2.910	4.608	
4	Tỷ lệ chia cổ tức	*%*	20	46	
5	Lợi nhuận phân phối cho cổ đông	*đồng*	*73.354.290.000*	*168.714.867.000*	

1. Doanh thu:

Trên cơ sở kế hoạch các nội dung công việc năm 2022 được trình bày như trên, các nguồn thu chủ yếu của Công ty bao gồm: (i) Doanh thu từ cổ tức của dự án Thủy điện Hạ Sê San 2; (ii) Doanh thu từ hoạt động tài chính (gửi số vốn góp chưa sử dụng của cổ đông và lợi nhuận các năm vào các ngân hàng); (iii) Thu từ cho thuê văn phòng, nhà để xe, cho thuê đất; và (iv) Thu từ hoạt động tư vấn QLDA và Tư vấn giám sát. Tổng nguồn thu dự kiến, cụ thể như sau:

1.1. Doanh thu từ cổ tức của dự án thủy điện Hạ Sê San 2

Căn cứ văn bản số HLSS2/2020-014 ngày 06/03/2020 kế hoạch năm 5 năm 2020-2024 của HLSS2 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh dự kiến năm 2021 của Công ty TNHH Hạ Sê San 2 (tài liệu họp ĐHĐCĐ năm 2021): Lợi nhuận sau thuế năm 2021 dự kiến của HLSS2 là 59 triệu USD. Việc phân phối sẽ được HLSS2 trình cổ đông thông qua tại Đại hội đồng cổ đông năm 2022 (dự kiến tổ chức tháng 5 năm 2022). Theo tình hình thực hiện chi trả cổ tức năm 2020 HLSS2 chia hết lợi nhuận chưa phân phối cho cổ đông; Vì vậy, EVNI dự kiến cổ tức năm 2021 của HLSS2 nhận được tương ứng là 5,5 triệu USD (năm 2021: 8,3 triệu USD) tương đương 122.650.000.000 đồng.

1.2. Doanh thu từ tiền gửi Ngân hàng:

Trên cơ sở số dư tiền gửi ngân hàng, dự kiến năm 2022 EVNI thu từ lãi tiền gửi đạt 8.223 triệu đồng cao hơn 837 triệu đồng so với năm 2021. Nguyên nhân: tổng giá trị tiền gửi có kỳ hạn đầu năm 2022 cao hơn so với năm 2021 do lợi nhuận thu được từ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021.

1.3. Doanh thu từ cho thuê văn phòng:

Tổng doanh thu từ việc cho thuê văn phòng, thuê mặt bằng năm 2022 dự kiến đạt 740 triệu đồng, thấp hơn 197 triệu đồng so với thực hiện năm 2021. Nguyên nhân: Đầu năm 2022, Công ty không tiếp tục cho thuê 02 phòng để mở rộng phòng làm việc cho phòng kỹ thuật và làm hội trường của Công ty.

1.4. Doanh thu từ hoạt động tư vấn: *(Chi tiết theo phụ lục 1 đính kèm)*

Với các hợp đồngTVGS đã ký năm 2021; dự kiến sẽ ký trong năm 2022, tổng doanh thu kế hoạch từ dịch vụ tư vấn năm 2022 đạt 13.112 triệu đồng thấp hơn 4.533 triệu đồng so với cùng kỳ năm 2021 (năm 2022 Công ty không thực hiện TVGS dự án năng lượng tái tạo do các Chủ đầu tư tạm dừng đầu tư trong giai đoạn

Chính phủ chưa ban hành cơ chế, chính sách phát triển cụ thể đối với lĩnh vực này). Doanh thu dịch vụ TVGS bao gồm:

- Doanh thu từ các hợp đồng TVGS chuyển tiếp tiếp từ các năm trước: 5.903 triệu đồng

- Doanh thu từ các hợp đồng TVGS thực hiện năm 2022 (đã đấu thầu): 5.858 triệu đồng

- Dự kiến doanh thu kế hoạch đấu thầu mới các hợp đồng TVGS năm 2022: 1.350 triệu đồng.

2. Chi phí hoạt động:

Trên cơ sở kế hoạch triển khai các dự án, phạm vi hoạt động, địa bàn công tác, quy mô nguồn nhân lực phục vụ công tác quản lý, cân đối chí phí thực hiện qua các năm 2016-2021, Công ty lập dự toán chi phí hoạt động, quản lý dự án và chi phí phục vụ Tư vấn các gói thầu trong năm 2022.

Tổng chi phí hoạt động năm 2022: 37.632 triệu đồng, cụ thể:

2.1. Chí phí hoạt động, quản lý dự án: *(Chi tiết theo phụ lục 2, 3 đính kèm)*

Tổng chi phí hoạt động, quản lý dự án năm 2022 là 9.908 triệu đồng tăng 3.301 triệu đồng so với thực hiện năm 2021.

Trong đó:

2.1.1. Chi phí khấu hao Tài sản cố định năm 2022 là 420 triệu đồng tăng 20 triệu đồng so với năm 2021.

Nguyên nhân: trong năm 2021, công ty đầu tư thêm Tài sản cố định "hệ thống truyền hình hội nghị" nên phát sinh thêm chi phí khấu hao trong năm 2022.

2.1.2. Chí phí hoạt động, duy trì và QLDA năm 2022 là 9.488 triệu đồng, trong đó:

- Thù lao HĐQT, BKS năm 2022: 518,4 triệu đồng tăng 84,88 triệu đồng so với thực hiện năm 2021.

Nguyên nhân: Căn cứ kế hoạch doanh thu và lợi nhuận năm 2022, Công ty dự kiến tăng mức thù lao của ủy viên HĐQT, thành viên BKS năm 2022 tương ứng 20% so với thực hiện năm 2021 trên cơ sở đảm bảo quy định tại Điều 16 Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 (tối đa bằng 20% mức tiền lương bình quân kế hoạch của người quản lý công ty chuyên trách).

- Lương và các khoản phải trích theo lương của Ban điều hành và người lao động năm 2022: 5.268 triệu đồng, tăng 1.269 triệu đồng so với năm 2021. Trong đó:

+ Ban điều hành: 2.646 triệu đồng, tăng 984,8 triệu đồng so với năm 2021;

+ Người lao động: 2.623 triệu đồng, tăng 284,7 triệu đồng so với năm 2021.

Nguyên nhân:

+ Bổ sung nhân sự Phó TGĐ từ tháng 12/2021;

+ Mức tiền lương bình quân kế hoạch của người quản lý chuyên trách được tính trên mức lương cơ bản và hệ số điều chỉnh tăng thêm 1,0 đối với công ty có lợi nhuận

từ 100 tỷ đến dưới 200 tỷ đồng, áp dụng theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 13 Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH.

+ Mức tiền lương bình quân kế hoạch của người lao động tăng 13,55% so với thực hiện năm 2021, áp dụng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH: mức tiền lương bình quân kế hoạch tăng không vượt quá mức tăng năng suất lao động bình quân.

- Chi phí hoạt động khác là 3.343 triệu đồng tăng 1.652 triệu đồng so với năm 2021.

Nguyên nhân: Công tác sửa chữa trụ sở công ty thực hiện từ cuối năm 2021 và đến đầu năm 2022 hoàn thành, vì vậy chi phí phát sinh sửa chữa được phân bổ từ năm 2022 với giá trị 467 triệu đồng/năm. Ngoài ra, do trong năm 2022, công ty dự kiến thực hiện sửa chữa sơn lại mặt ngoài trụ sở Công ty tổng giá trị là 420 triệu; sửa chữa bảo trì lại thang máy với giá trị 130 triệu, mua sắm các công cụ dụng cụ, sửa chữa xe ô tô; tăng cường công tác bồi dưỡng, đào tạo nghiệp vụ, chuyên môn cho CBCNV Công ty.

2.2. Chi phí hoạt động dịch vụ tư vấn

Nhằm duy trì hoạt động, đảm bảo công ăn việc làm và tăng thu nhập của CBNV, năm 2022 EVNI tiếp tục thực hiện các dịch vụ tư vấn giám sát các công trình điện đảm bảo các hợp đồng TVGS đạt tỷ lệ bình quân lợi nhuận/doanh thu là 20%. Tổng chi phí cho hoạt động TVGS là 10.490 triệu đồng.

Trong quá trình thực hiện, Công ty kiểm soát chi phí với chủ trương tiết kiệm, đảm bảo tỷ lệ lợi nhuận đạt hoặc vượt kế hoạch, đời sống và thu nhập của CBNV được cải thiện. Trường hợp doanh thu thực hiện tăng/giảm so với kế hoạch, các khoản mục chi phí sẽ được điều chỉnh tương ứng.

3. Kế hoạch Lợi nhuận và tỷ lệ cổ tức:

Cân đối nguồn thu và chi phí, dự kiến lợi nhuận và mức chi trả cổ tức bằng tiền mặt cho các cổ đông như sau:

- Lợi nhuận trước thuế: 107.103 triệu đồng;
- Tỷ lệ cổ tức: 20%

PHỤ LỤC 1 - BẢNG TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NGUỒN THU DỊCH VỤ TVGS NĂM 2022

ĐVT: đồng

STT	Dự án	Giá trị Hợp đồng (trước thuế)	Giá trị Hợp đồng (sau thuế)	Tỷ lệ còn lại chưa NT	Giá trị HĐ còn lại 31/12/2021	Tỷ lệ NT năm 2022	Giá trị NT năm 2022
I	**Các hợp đồng TVGS chuyển tiếp các năm trước**	**38.276.671.000**	**42.143.338.000**		**5.903.985.000**		**5.903.985.000**
1	ĐZ 220kV Nha Trang Tháp Chàm	636.822.000	700.504.200	62%	394.829.640	62%	394.829.640
2	Trạm biến áp 220kV Krong Ana và đấu nối	1.251.397.139	1.376.536.853	45%	563.128.713	45%	563.128.713
3	Trạm cắt 110kV Trà My, đường dây đấu nối từ trạm cắt 110kV Trà My đến TBA 220kV Sông Tranh 2	1.545.454.545	1.700.000.000	80%	1.236.363.636	80%	1.236.363.636
4	Nâng công suất TBA 220kV Tam Kỳ	1.080.409.091	1.188.450.000	30%	324.122.727	30%	324.122.727
5	Đường dây 500kV NĐ Quảng Trạch- Vũng Áng và SPP 500kV TTĐL Quảng Trạch	355.260.000	390.786.000	100%	355.260.000	100%	355.260.000
6	Ngăn lộ 110 kV xuất tuyến đường dây 110 kV Ninh Phước - Tuy Phong - Phan Rí tại TBA 220 kV Ninh Phước	74.498.465	81.948.312	10%	7.449.847	10%	7.449.847
7	*HĐ với A Vương- Ngăn lộ 110kV xuất tuyến đường dây 110kV Ninh Phước*	8.277.607	9.105.368	100%	8.277.607	100%	8.277.607
8	Tư vấn thẩm tra thiết kế BVTC-dự toán và TVGS thi công xây dựng hạng mục Hệ thống cung cấp nước ngọt cho dự án Nhà máy nhiệt điện Quảng Trạch I	*265.496.288*	*292.045.917*	100%	265.496.288	100%	265.496.288

9	TVGS Lắp MBA thứ 2 TBA 220kV Thanh Nghị	*700.000.000*	*770.000.000*	30%	210.000.000	30%	210.000.000
10	TVGS Trạm biến áp 220 kV Duy Xuyên	*1.816.029.091*	*1.997.632.000*	100%	1.816.029.091	100%	1.816.029.091
11	TVGS TCXD và LĐTB tại Nhà máy Điện gió Ia Pét – Đak Đoa 1	5.454.545.455	6.000.000.000	5%	272.727.273	5%	272.727.273
	Ký PLHĐ bổ sung năm 2021	590.909.091	650.000.000	5%	29.545.455	5%	29.545.455
12	TVGS TCXD và LĐTB tại Nhà máy Điện gió Ia Pét – Đak Đoa 2	5.000.000.000	5.500.000.000	5%	250.000.000	5%	250.000.000
	Ký PLHĐ bổ sung năm 2021	780.000.000	858.000.000	5%	39.000.000	5%	39.000.000
13	NCS TBA 220kV Huế	141.782.727	155.961.000	30%	42.534.818	30%	42.534.818
14	Lắp máy 2 TBA 220KV Phù Mỹ	227.765.455	250.542.000	20%	45.553.091	20%	45.553.091
15	Nâng công suất TBA 220kV Lao Bảo và ĐZ 220kV Đông Hà- Lao Bảo	436.672.727	480.340.000	10%	43.667.273	10%	43.667.273
II	**Các gói thầu đã đấu thầu năm 2021, thực hiện năm 2022**	**10.520.477.797**	**11.572.525.577**		**10.520.477.796**		**5.858.529.269**
16	ĐZ500kV NĐ Vân Phong - NĐ Vĩnh Tân	2.724.011.070	2.996.412.177	100%	2.724.011.070	65%	1.770.607.196
17	Treo mạch 2 ĐZ220kV Nha Trang - Tháp Chàm	252.512.727	277.764.000	100%	252.512.727	65%	164.133.273
18	Hệ thống điều khiển nhà máy DCS) và bảo vệ tổ máy Nhà máy thủy điện Đại Ninh	463.680.000	510.048.000	100%	463.680.000	80%	370.944.000
19	Trạm biến áp 500kV Vân Phong và đấu nối	1.135.744.000	1.249.318.400	100%	1.135.744.000	70%	795.020.800
20	Nâng công suất Trạm biến áp 500 kV Pleiku 2	1.535.984.545	1.689.583.000	100%	1.535.984.545	80%	1.228.787.636

21	Trạm biến áp 220 kV Vũng Áng và đấu nối	1.761.454.545	1.937.600.000	100%	1.761.454.545	20%	352.290.909
22	Di dời ĐZ 500kV và 220kV Phan Thiết - Vĩnh Hảo	763.090.909	839.400.000	100%	763.090.909	50%	381.545.455
23	NCS TBA 220kV Đô Lương; Lắp máy 2 TBA 220kV Lưu Xá	1.150.000.000	1.265.000.000	100%	1.150.000.000	50%	575.000.000
24	Treo dây mạch 2 ĐZ 220kV Dốc Sỏi -Quảng Ngãi	734.000.000	807.400.000	100%	734.000.000	30%	220.200.000
II	**Kế hoạch đấu thầu mới năm 2022**	**3.000.000.000**	**3.300.000.000**				**1.350.000.000**
22	Dự kiến đầu thầu mới	3.000.000.000	3.300.000.000	100%		45%	1.350.000.000
	Tổng cộng	**51.797.148.711**	**57.015.863.532**		**16.424.463.026**		**13.112.514.000**

PHỤ LỤC 2 - CHI PHÍ KHẤU HAO CƠ BẢN

TT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
1	Chi phí khấu hao nhà làm việc/văn phòng cho thuê	420.000.000	
	TỔNG CỘNG	**420.000.000**	

CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 21/TTr - HĐQT	*Đà Nẵng, ngày 31 tháng 05 năm 2022*

TỜ TRÌNH
V/v: Phân phối lợi nhuận năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần EVN Quốc tế.

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần EVN Quốc tế;

Căn cứ Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội v/v Hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước.

Với kết quả SXKD năm 2021 theo Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán, Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần EVN Quốc tế kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 như sau:

I. Phương án phân phối lợi nhuận và các quỹ:

ĐVT: đồng.

TT	Nội dung	Giá trị (đồng)	Ghi chú
I	**Lợi nhuận**		
1	Lợi nhuận trước thuế TNDN năm nay	170.491.556.766	
2	Thuế TNDN	1.469.919.953	
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN năm nay	169.021.636.813	
4	Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế năm trước	15.529.294.303	
5	Tổng lợi nhuận chưa phân phối lũy kế năm nay (5)=(3)+(4)	184.550.931.116	
II	**Phân phối lợi nhuận**		
1	**Quỹ khen thưởng, phúc lợi người lao động**	**3.505.436.000**	Khoản 1, Điều 18 TT28: *- 3 tháng TLBQ thực hiện của NLĐ*

TT	Nội dung	Giá trị (đồng)	Ghi chú
			- Lợi nhuận vượt KH thì trích thêm tối đa 3 tháng TLBQ thực hiện của NLĐ
a	*Quỹ khen thưởng*	*1.752.718.000*	
-	*Trích thưởng hoàn thành kế hoạch*	*876.359.000*	*50%*3 tháng TLBQ thực hiện của NLĐ*
-	*Trích thưởng vượt kế hoạch*	*876.359.000*	*50%* 3 tháng TLBQ thực hiện của NLĐ (bằng 5,5% phần lợi nhuận thực hiện vượt lợi nhuận kế hoạch)*
b	*Quỹ phúc lợi*	*1.752.718.000*	
-	*Trích phúc lợi hoàn thành kế hoạch*	*876.359.000*	*50%*3 tháng TLBQ thực hiện của NLD*
-	*Trích phúc lợi vượt kế hoạch*	*876.359.000*	*50%* 3 tháng TLBQ thực hiện của NLĐ (bằng 5,5% phần lợi nhuận thực hiện vượt lợi nhuận kế hoạch)*
2	**Quỹ thưởng người quản lý**	**417.904.000**	
-	*HĐQT, BKS*	*54.190.000*	*1,5 tháng thù lao bình quân*
-	*Ban điều hành*	*363.714.000*	*Khoản 2, Điều 18 TT28:* *1,5 tháng TLBQ thực hiện của người quản lý công ty chuyên trách*
3	**Lợi nhuận còn lại sau khi trích các quỹ**	**180.627.591.116**	
IV	**Chia cổ tức năm 2021**		
1	Số cổ phiếu chia cổ tức (CP)	36.677.145	
2	Tỷ lệ chia cổ tức	46%	
3	Giá trị chia cổ tức	168.714.867.000	
4	Hình thức trả cổ tức	Tiền mặt	
V	**Lợi nhuận để lại**	**11.912.724.116**	

II. Phương thức chi trả cổ tức:

1. Tổng số tiền trả cổ tức : 168.714.867.000 đồng.
2. Hình thức trả : Bằng tiền.
3. Thời gian chi trả cổ tức : Đã chi tạm ứng 10% ngày 27/1/2022; chi trả đợt 1 (20%) dự kiến chi vào tháng 8/2022; chi trả đợt 2 (16%) dự kiến chi vào tháng 12/2022

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Các thành viên HĐQT; BKS;
- Lưu TH, Thư ký Công ty.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

M.S.D.N: 0102379203 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ
Q. CẨM LỆ - TP. ĐÀ NẴNG

Trương Quang Minh

Dự thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 30 tháng 6 năm 2022

BIÊN BẢN
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ

- Tên Công ty: Công ty cổ phần EVN Quốc tế
- Trụ sở chính: Lô số 91, Xô Viết Nghệ Tĩnh, Cẩm Lệ, Đà Nẵng
- Giấy CNĐKDN - MSDN: 0102379203 do Sở KH&ĐT TP.Đà Nẵng cấp thay đổi lần 7 ngày 03/7/2020.

I. Thời gian và địa điểm:

- Thời gian: 08h00 ngày 30/6/2022.

- Địa điểm: Hội trường Trụ sở Công ty cổ phần EVN Quốc tế - Lô 91 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Khuê Trung, Q. Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng.

II. Thành phần tham dự Đại hội:

- Chủ tịch, các Ủy viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc Công ty cổ phần EVN Quốc tế.

- Các cổ đông và đại diện cổ đông của Công ty (có danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng chi tiết tại biên bản kiểm tra tư cách cổ đông kèm theo).

III. Nội dung Đại hội:

Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần EVN Quốc tế năm 2022 họp thảo luận, góp ý và biểu quyết thông qua các nội dung sau:

1. Báo cáo của HĐQT về tình hình quản trị, kết quả hoạt động năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022;

2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về kết quả hoạt động SXKD năm 2021, kế hoạch năm 2022;

3. Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021;

4. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của HĐQT, TGĐ & Kết quả hoạt động của BKS và Kiểm soát viên năm 2021;

5. Trình lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2022;

6. Trình quyết toán thù lao HĐQT, Ban kiểm soát năm 2021 và kế hoạch thù lao HĐQT, Ban kiểm soát năm 2022;

7. Trình phương án phân phối lợi nhuận năm 2021;

8. Trình Kế hoạch năm 2022.

IV. Tóm tắt diễn biến Đại hội:

A. Ban tổ chức Đại hội tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu và các thủ tục tiến hành Đại hội.

1. Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông:

Ông Lê Thanh Khoa thay mặt Ban tổ chức Đại hội báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông như sau:

+ Tổng số cổ đông của Công ty theo danh sách chốt ngày 10/06/2022: ……. cổ đông gồm …….. cổ đông pháp nhân và …….. cổ đông thể nhân đại diện cho **36.677.145** cổ phần có quyền biểu quyết;

+ Tổng số cổ đông được triệu tập Đại hội: …….. cổ đông đại diện cho **36.677.145** cổ phần có quyền biểu quyết (…… cổ đông pháp nhân với …….. cổ phần có quyền biểu quyết và …….. cổ đông thể nhân với ……. cổ phần có quyền biểu quyết);

+ Tổng số cổ đông tham dự Đại hội: …….. cổ đông, trong đó có ……. pháp nhân và ……. cổ đông thể nhân đại diện ……. cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm tỷ lệ ……..% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (chi tiết tại biên bản kiểm tra tư cách cổ đông kèm theo).

Căn cứ Điều 18, Điều lệ của Công ty, với số tỷ lệ cổ phần mà các cổ đông đến tham dự như trên, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Công ty cổ phần EVN Quốc tế đủ điều kiện tiến hành Đại hội.

2. Ông Lê Thanh Khoa – Phó Tổng Giám đốc Công ty, Trưởng BTC Đại hội tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu và các thành phần tham dự đại hội.

3. Thay mặt Ban tổ chức, Ông Lê Thanh Khoa đã tiến hành lấy ý kiến Đại hội để thông qua Quy chế tổ chức Đại hội, Thể lệ biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

Đại hội đã biểu quyết thông qua với tỷ lệ: 100%.

4. Ban tổ chức giới thiệu với Đại hội để thông qua Chủ tọa, Thư ký Đại hội và Ban kiểm phiếu.

Đại hội đã biểu quyết thông qua với tỷ lệ: 100% như sau

a. Chủ tọa đại hội:

- Ông Trương Quang Minh - Chủ tịch HĐQT

b. Thư ký Đại hội:

- Bà Nguyễn Thị Mai Hương - Trưởng Phòng Tổng hợp

c. Ban kiểm phiếu:

- Ông Lê Thanh Khoa - TP Kỹ thuật - Trưởng Ban
- Bà Bùi Thị Tuyết - CV P. Tổng hợp - Ủy viên

- Bà Nguyễn Hà Trang Nhung - CV P. Kỹ thuật - Ủy viên

B. Diễn biến của Đại hội:

Đại hội tiến hành dưới sự điều hành của Chủ tọa Đại hội.

B.1. Thông qua chương trình Đại hội.

Chủ tọa Đại hội thông qua nội dung chương trình đại hội với các nội dung trên. Đại hội biểu quyết thông qua chương trình Đại hội, tỷ lệ tán thành 100%.

B.2. Các nội dung, vấn đề báo cáo, trình bày tại Đại hội:

Được sự thống nhất của Đại hội, các nội dung chương trình được báo cáo trước đại hội:

1. Thay mặt HĐQT, Ông Trương Quang Minh – Chủ tịch HĐQT đọc Báo cáo số 20/BC-HĐQT ngày 30/5/2022 của HĐQT về tình hình quản trị, kết quả hoạt động năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022;

2. Ông Lê Vũ Ninh – UV HĐQT, Tổng Giám đốc đọc Báo cáo số 323/BC-EVNI ngày 27/5/2022 của Ban Tổng Giám đốc về kết quả hoạt động SXKD năm 2021 và kế hoạch năm 2022;

3. Bà Phạm Thị Thủy – Kế toán trưởng Công ty trình bày Báo cáo tài chính 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán và Kế toán AAC;

4. Thay mặt Ban kiểm soát, Bà Đinh Hải Ninh – Trưởng ban Kiểm soát đọc Báo cáo của Ban kiểm soát số 02/BC-BKS ngày 25/4/2022 về kết quả kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của HĐQT, TGĐ & Kết quả hoạt động của BKS và Kiểm soát viên năm 2021, phương hướng nhiệm vụ năm 2022; và Tờ trình ngày 23/03/2022 của Ban kiểm soát về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2022 của Công ty cổ phần EVN Quốc tế;

5. Ông Lê Vũ Ninh – Tổng Giám đốc đọc Tờ trình số 17/TTr-HĐQT ngày 30/5/2022 về thông qua thù lao HĐQT, Ban kiểm soát năm 2021 và kế hoạch thù lao HĐQT, Ban kiểm soát năm 2022;

6. Bà Phạm Thị Thủy – Kế toán trưởng đọc Tờ trình số 21/TTr-HĐQT ngày 31/5/2022 về phương án phân phối lợi nhuận năm 2021;

7. Ông Lê Thanh Khoa – Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng phòng Kỹ thuật đọc Tờ trình số 19/TTr-HĐQT ngày 30/5/2022 về Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022.

Chủ toạ Đại hội tóm tắt các nội dung đã trình bày trước đại hội, báo cáo Đại hội tiến độ thực hiện, kết quả SXKD năm 2021 và kế hoạch năm 2022 của Công ty TNHH Thủy điện Hạ Sê San 2 – Campuchia (Công ty liên kết).

B.3 Các nội dung được Đại hội biểu quyết thông qua:

Sau thời gian thảo luận, Đại hội đã tiếp thu các ý kiến và tiến hành biểu quyết thông qua các vấn đề đã đưa ra thảo luận tại Đại hội, kết quả biểu quyết từng vấn đề như sau:

1. Báo cáo của HĐQT về tình hình quản trị, kết quả hoạt động năm

2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022:

Kết quả biểu quyết:

Biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết (CP)	Tỷ lệ cổ phần biểu quyết (%)	Ghi chú
Tán thành			
Không tán thành			
Không có ý kiến			

Theo quy chế Đại hội, với tỷ lệ biểu quyết tán thành là ……% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết có mặt tham dự Đại hội, Đại hội thông qua Báo cáo của HĐQT về tình hình quản trị, kết quả hoạt động năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022.

2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về kết quả hoạt động SXKD năm 2021 và kế hoạch năm 2022:

Kết quả biểu quyết:

Biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết (CP)	Tỷ lệ cổ phần biểu quyết (%)	Ghi chú
Tán thành			
Không tán thành			
Không có ý kiến			

Theo quy chế Đại hội, với tỷ lệ biểu quyết tán thành là ……% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết có mặt tham dự Đại hội, Đại hội thông qua Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về kết quả hoạt động SXKD năm 2021 và kế hoạch năm 2022.

3. Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán:

Kết quả biểu quyết:

Biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết (CP)	Tỷ lệ cổ phần biểu quyết (%)	Ghi chú
Tán thành			
Không tán thành			
Không có ý kiến			

Theo quy chế Đại hội, với tỷ lệ biểu quyết tán thành là …….% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết có mặt tham dự Đại hội. Đại hội thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 như tài liệu đã trình tại Đại hội.

4. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của HĐQT, TGĐ & Kết quả hoạt động của BKS và Kiểm soát viên năm 2021

Kết quả biểu quyết:

Biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết (CP)	Tỷ lệ cổ phần biểu quyết (%)	Ghi chú
Tán thành			
Không tán thành			
Không có ý kiến			

Theo quy chế Đại hội, với tỷ lệ biểu quyết tán thành là …….% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết có mặt tham dự Đại hội, Đại hội thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của HĐQT, TGĐ & Kết quả hoạt động của BKS và Kiểm soát viên năm 2021.

5. Lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2022:

Kết quả biểu quyết:

Biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết (CP)	Tỷ lệ cổ phần biểu quyết (%)	Ghi chú
Tán thành			
Không tán thành			
Không có ý kiến			

Theo quy chế Đại hội, với tỷ lệ biểu quyết tán thành là …….% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết có mặt tham dự Đại hội, Đại hội thống nhất lựa chọn Đơn vị Kiểm toán là Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC thực hiện việc kiểm toán bán niên và thường niên năm 2022 cho Công ty cổ phần EVN Quốc tế với mức phí 65.000.000 đồng (chưa bao gồm thuế VAT) như đề xuất của Ban kiểm soát.

Đại hội giao Ban Điều hành làm việc với Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC để thực hiện việc kiểm toán đáp ứng các quy định hiện hành.

6. Quyết toán thù lao HĐQT và Ban kiểm soát năm 2021, kế hoạch tiền lương, thù lao HĐQT và Ban kiểm soát năm 2022

Kết quả biểu quyết:

Biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết (CP)	Tỷ lệ cổ phần biểu quyết (%)	Ghi chú
Tán thành			
Không tán thành			
Không có ý kiến			

Theo quy chế Đại hội, với tỷ lệ biểu quyết tán thành là ……% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết có mặt tham dự Đại hội. Đại hội thông qua:

- Báo cáo quyết toán thù lao HĐQT, BKS năm 2021 với giá trị là **433.520.000 đồng** (Bốn trăm ba mươi ba triệu năm trăm hai mươi ngàn đồng).

- Kế hoạch tiền lương, thù lao HĐQT, BKS năm 2022 với giá trị là **518.400.000 đồng** (Năm trăm mười tám triệu bốn trăm ngàn đồng), cụ thể:

STT	Chức vụ	Số lượng	Thù lao tháng (đồng)	Số tháng	Thù lao năm 2020 (đồng)
1	Chủ tịch HĐQT (*)	1	0	12	0
2	Ủy viên HĐQT *(kiêm nhiệm)(**)*	3	7.700.000	12	277.200.000
3	Trưởng Ban kiểm soát *(kiêm nhiệm)*	1	7.700.000	12	92.400.000
4	Kiểm soát viên *(kiêm nhiệm)*	2	6.200.000	12	148.800.000
	Tổng cộng	**7**			**518.400.000**

(*) Chủ tịch HĐQT chuyên trách hưởng tiền lương theo quy định của Công ty;

(**) Ủy viên HĐQT kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc không hưởng thù lao HĐQT.

7. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021:

Kết quả biểu quyết:

Biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết (CP)	Tỷ lệ cổ phần biểu quyết (%)	Ghi chú
Tán thành			
Không tán thành			
Không có ý kiến			

Theo quy chế Đại hội, với tỷ lệ biểu quyết tán thành là ……% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết có mặt tham dự Đại hội, Đại hội thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 như tài liệu đã trình tại Đại hội.

8. Kế hoạch năm 2022:

Kết quả biểu quyết:

Biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết (CP)	Tỷ lệ cổ phần biểu quyết (%)	Ghi chú
Tán thành			
Không tán thành			
Không có ý kiến			

Theo quy chế Đại hội, với tỷ lệ biểu quyết tán thành là …….% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết có mặt tham dự Đại hội. Đại hội thông qua Kế hoạch SXKD và ĐTXD năm 2022 với các chỉ tiêu chính như sau:

- Tổng doanh thu: 144.726.000.000 đồng
- Chí phí: 37.622.520.000 đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 107.103.480.000 đồng

- Tỷ lệ chia cổ tức: 20%

**** Giao Ban điều hành:***

- Làm việc và đề nghị Công ty TNHH Thủy điện Hạ Sê San 2 thực hiện phân chia lợi nhuận năm 2021 trong năm 2022.

Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức năm 2022 được tính trên cơ sở nguồn thu cổ tức từ dự án thủy điện Hạ Sê San 2 (122,65 tỷ đồng). Trong trường hợp cổ tức chi trả từ dự án thủy điện Hạ Sê San 2 thay đổi so với giá trị dự kiến trong kế hoạch năm 2022, ĐHĐCĐ giao HĐQT xem xét quyết định điều chỉnh kế hoạch năm 2022 tương ứng.

- Quản lý hoạt động của Công ty theo nguyên tắc hiệu quả, đạt hoặc vượt kế hoạch đề ra, bảo toàn vốn cổ đông và lợi nhuận để lại;

- Tiếp tục tìm kiếm đối tác thích hợp để hợp tác phát triển hoặc chuyển giao các dự án thủy điện: Hạ Sê San1/Sê San 5; Sê Kông và Nậm Mô 1;

- Đối với công tác tư vấn: Giao Ban điều hành chủ động thực hiện:

+ Tìm kiếm công việc phù hợp năng lực hiện tại của Công ty đảm bảo công việc ổn định, lâu dài, tạo công ăn việc làm cho CBCNV và tăng nguồn thu;

+ Thực hiện các giải pháp để đáp ứng nhu cầu nhân sự gia tăng đột ngột về nhu cầu sử dụng lao động trong thời gian ngắn cho các gói thầu Tư vấn như ký Hợp đồng thuê chuyên gia, Hợp đồng thầu phụ…;

+ Lập, phê duyệt dự toán các gói thầu Tư vấn theo quy định để kiểm soát chi phí với chủ trương tiết kiệm, đảm bảo lợi nhuận của hoạt động Tư vấn đạt hoặc vượt kế hoạch.

+ Trường hợp doanh thu thực hiện tăng/giảm so với kế hoạch, các khoản mục chi phí sẽ được điều chỉnh tăng/giảm tương ứng.

**** Về kế hoạch SXKD hàng năm:***

Để Công ty tổ chức hoạt động SXKD bảo đảm ổn định và thường xuyên trong thời gian trước khi ĐHĐCĐ thường niên phê duyệt kế hoạch SXKD hàng năm, ủy quyền HĐQT tạm phê duyệt kế hoạch SXKD hàng năm và báo cáo ĐHĐCĐ thường niên hoặc ĐHĐCĐ gần nhất để thông qua.

** Nội dung ý kiến của các cổ đông tại Đại hội và giải trình của Chủ tọa Đại hội chi tiết theo Phụ lục đính kèm Biên bản.*

C. Thông qua Biên bản và Nghị quyết của Đại hội.

Bà Nguyễn Thị Mai Hương - Thư ký Đại hội đọc dự thảo Biên bản và dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần EVN Quốc tế.

Đại hội biểu quyết thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội với tỷ lệ biểu quyết nhất trí: đạt 100%.

Biên bản được lập và thông qua trước Đại hội.

Đại hội kết thúc vào lúc 11 giờ 30 phút ngày 30 tháng 6 năm 2022.

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ

THƯ KÝ ĐẠI HỘI **CHỦ TỌA**

PHỤ LỤC CÁC Ý KIẾN CỦA CỔ ĐÔNG TẠI ĐẠI HỘI

(Đính kèm Biên bản họp ĐHĐCĐ EVNI năm 2022 ngày 30/06/2022)

TT	Nội dung ý kiến của Cổ đông	Ý kiến trả lời của Chủ tọa
I	**Cổ đông …**	
1	**Về Báo cáo hoạt động của HĐQT**	
a	…….	
b	…….	
2	**Về phương án phân phối lợi nhuận năm 2021**	
a	……..	
3	**Về kế hoạch SXKD năm 2022**	
a	……..	
4	**Về …….**	
a	……	

Dự thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /NQ-ĐHĐCĐ	*Đà Nẵng, ngày 30 tháng 6 năm 2022*

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN EVN QUỐC TẾ

Căn cứ Luật doanh nghiệp 2020,

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần EVN Quốc tế (EVNI);

Căn cứ Nghị quyết số 14/NQ-EVNI ngày 25/05/2022 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần EVN Quốc tế về việc chốt thời gian, địa điểm và chương trình làm việc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần EVN Quốc tế ngày 30/6/2022: Tổng số cổ đông theo danh sách chốt ngày 10/6/2022: …… cổ đông, gồm ……. cổ đông pháp nhân và …….. cổ đông thể nhân đại diện cho 36.677.145 cổ phần có quyền biểu quyết; Tổng số cổ đông tham dự Đại hội: ... cổ đông, trong đó có ... pháp nhân và ... cổ đông thể nhân đại diện ... cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm tỷ lệ ... % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua các nội dung chủ yếu sau:

1. Báo cáo của HĐQT về tình hình quản trị, kết quả hoạt động năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022;
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về kết quả hoạt động SXKD năm 2021, kế hoạch năm 2022;
3. Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC**;**
4. Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của HĐQT, TGĐ & Kết quả hoạt động của BKS và Kiểm soát viên năm 2021;
5. Thông qua việc lựa chọn Đơn vị Kiểm toán là Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC thực hiện việc kiểm toán bán niên và thường niên năm 2022 cho Công ty cổ phần EVN Quốc tế;
6. Thông qua tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát đã thực hiện trong năm 2021 là **433.520.000 đồng**;

   Thông qua tổng mức thù lao của thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát trong năm 2022 là **518.400.000 đồng**

7. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 như sau:

STT	Nội dung	Số tiền (đồng)
I	**Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2021**	**169.021.636.813**
II	**Tổng lợi nhuận chưa phân phối lũy kế năm 2021**	**184.550.931.116**
III	**Tổng số trích lập các quỹ**	**3.923.340.000**
	- Quỹ khen thưởng, phúc lợi người lao động	3.505.436.000
	+ Quỹ khen thưởng	1.752.718.000
	+ Quỹ phúc lợi	1.752.718.000
	- Quỹ thưởng người quản lý	417.904.000
IV	**Lợi nhuận chưa phân phối còn lại sau trích lập các quỹ (II)-(III)**	**180.627.591.116**
V	**Chia cổ tức bằng tiền mặt**	**168.714.867.000**
	Tỷ lệ chia cổ tức	46%
VI	**Lợi nhuận còn lại chưa phân phối sau khi trích lập các quỹ và chia cổ tức bằng tiền mặt (IV)-(V)**	**11.912.724.116**

8. Thông qua kế hoạch năm 2022 với một số chỉ tiêu chính như sau:

- Tổng doanh thu: 144.726.000.000 đồng
- Chí phí: 37.622.520.000 đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 107.103.480.000 đồng
- Tỷ lệ chia cổ tức: 20%

* Giao Ban điều hành:

- Làm việc và đề nghị Công ty TNHH Thủy điện Hạ Sê San 2 thực hiện phân chia lợi nhuận năm 2021 trong năm 2022.

Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức năm 2022 được tính trên cơ sở nguồn thu cổ tức từ dự án thủy điện Hạ Sê San 2 (122,65 tỷ đồng). Trong trường hợp cổ tức chi trả từ dự án thủy điện Hạ Sê San 2 thay đổi so với giá trị dự kiến trong kế hoạch năm 2022, ĐHĐCĐ giao HĐQT xem xét quyết định điều chỉnh kế hoạch năm 2022 tương ứng.

- Quản lý hoạt động của Công ty theo nguyên tắc hiệu quả, đạt hoặc vượt kế hoạch đề ra, bảo toàn vốn cổ đông và lợi nhuận để lại;

- Tiếp tục tìm kiếm đối tác thích hợp để hợp tác phát triển hoặc chuyển giao các dự án thủy điện: Hạ Sê San1/Sê San 5; Sê Kông và Nậm Mô 1;

- Đối với công tác tư vấn: Giao Ban điều hành chủ động thực hiện:

+ Tìm kiếm công việc phù hợp năng lực hiện tại của Công ty đảm bảo công việc ổn định, lâu dài, tạo công ăn việc làm cho CBCNV và tăng nguồn thu;

+ Thực hiện các giải pháp để đáp ứng nhu cầu nhân sự gia tăng đột ngột về nhu cầu sử dụng lao động trong thời gian ngắn cho các gói thầu Tư vấn như ký Hợp đồng thuê chuyên gia, Hợp đồng thầu phụ…;

+ Lập, phê duyệt dự toán các gói thầu Tư vấn theo quy định để kiểm soát chi phí với chủ trương tiết kiệm, đảm bảo lợi nhuận của hoạt động Tư vấn đạt hoặc vượt kế hoạch.

+ Trường hợp doanh thu thực hiện tăng/giảm so với kế hoạch, các khoản mục chi phí sẽ được điều chỉnh tăng/giảm tương ứng.

* Về kế hoạch SXKD hàng năm:

Để Công ty tổ chức hoạt động SXKD bảo đảm ổn định và thường xuyên trong thời gian trước khi ĐHĐCĐ thường niên phê duyệt kế hoạch SXKD hàng năm, ủy quyền HĐQT tạm phê duyệt kế hoạch SXKD hàng năm và báo cáo ĐHĐCĐ thường niên hoặc ĐHĐCĐ gần nhất để thông qua.

Điều 2. Nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua và có hiệu lực kể từ ngày 30/6/2022.

Điều 3. Đại hội đồng cổ đông giao Hội đồng quản trị chỉ đạo Ban điều hành tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nơi nhận:
- ĐHĐCĐ;
- Thành viên HĐQT, BKS; Ban TGĐ
- Phòng KT, TCKT;
- Lưu: TH, Thư ký Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Trương Quang Minh